

Động Cổ Sâm - Núi Phân Mao và những sự liên quan

Trần Việt Bắc

(Tiếp theo)

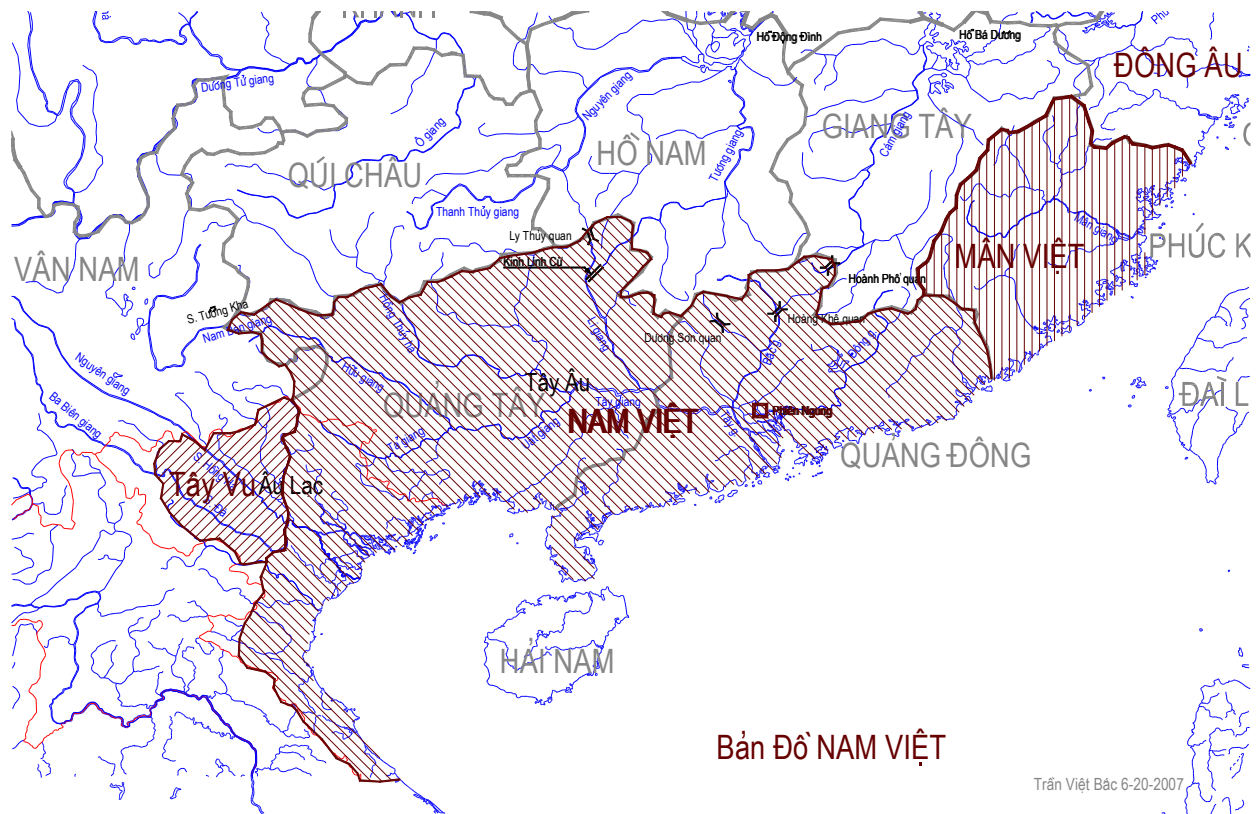
C- Tìm hiểu biên giới cổ giữa Quảng Ninh và Quảng Đông

Từ 7 nhận xét trong những phần trước, chúng ta thấy biên giới Việt - Trung vùng tỉnh Quảng Ninh (ngày nay) và tỉnh Quảng Đông (vùng này; nay thuộc tỉnh Quảng Tây) đã biến đổi qua các thời kỳ, qua những thăng trầm của lịch sử từ năm 1427 là năm Đại Việt đã lấy lại được nền độc lập và thoát cảnh Minh thuộc. Sau sự kiện Mạc Đăng Dung, biên giới đã lui về phía tây nam, Việt Nam đã mất một phần khá lớn về lãnh thổ (khoảng 2000 - 3000 km²). Sau đó là hiệp ước biên giới Pháp – Trung 1887, Việt Nam lại mất thêm một phần lãnh thổ nữa là vùng đất từ bán đảo Bạch Long và phía nam sông Phòng Thành đến tỉnh Móng Cái ngày nay. Ngược thời gian; vùng biên giới của Việt Nam từ khi bắt đầu dựng nền độc lập thời nhà Đinh ở đâu? Người viết xin mạo muội tìm hiểu thêm qua sử liệu; để chúng ta có một cái nhìn khái quát về vùng biên giới tại thời điểm này, dù có thể chỉ là phỏng đoán hay suy đoán và không có những nhận định rõ ràng. Tuy nhiên trước hết người viết xin có khái quát về vùng đất này từ khi Triệu Đà chiếm Âu Lạc (sau thời An Dương Vương): nước Nam Việt.

1 - Cương giới nước Nam Việt

Quân Tần xâm chiếm Bách Việt (211BC) mà Giao Chỉ - cổ Việt- là một trong Bách Việt đã không bị quân Tần xâm lăng¹. Nhà Tần mất, Triệu Đà chiếm cổ Việt và một phần Bách Việt (Quảng Đông và Quảng Tây và vùng bắc Việt) dựng nước Nam Việt trong đó có Giao Chỉ. Cương giới Nam Việt được phỏng định như sau:

¹ Nhận định qua bài viết "*Giao Chỉ và Tượng quận*" của cùng tác giả



Nước Nam Việt (với biên giới phỏng định)

Nhà Triệu (207BC - 111BC) tồn tại khoảng gần một thế kỷ. Năm 111BC Hán Vũ đế (Lữ Triệt) nhà Tiền Hán (Tây Hán 206BC - 8AD) mang quân qua xâm lăng, Nam Việt bị chiếm đóng, nhà Hán thiết lập nền đô hộ. Cổ Việt gồm Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam chỉ là ba quận trong Giao Châu. Nước Nam Việt bị đặt thành một châu là Giao Châu, ranh giới vẫn gần như tương đương với ranh giới nước Nam Việt.

Giao Châu được phỏng định theo bản đồ dưới đây:



Giao Châu thời Hậu Hán (ranh giới được phông định)

Loạn Vương Mãng nổi lên cướp ngôi nhà Tiền Hán (hay Tây Hán) lập ra nhà Tân (9AD - 23AD). Hậu duệ nhà Hán là Lưu Tú (Hán Quang Vũ) thắng nhà Tân lập nên nhà Hậu Hán (hay Đông Hán 25AD - 220AD). Việt Nam vẫn bị dưới ách Bắc Thuộc.

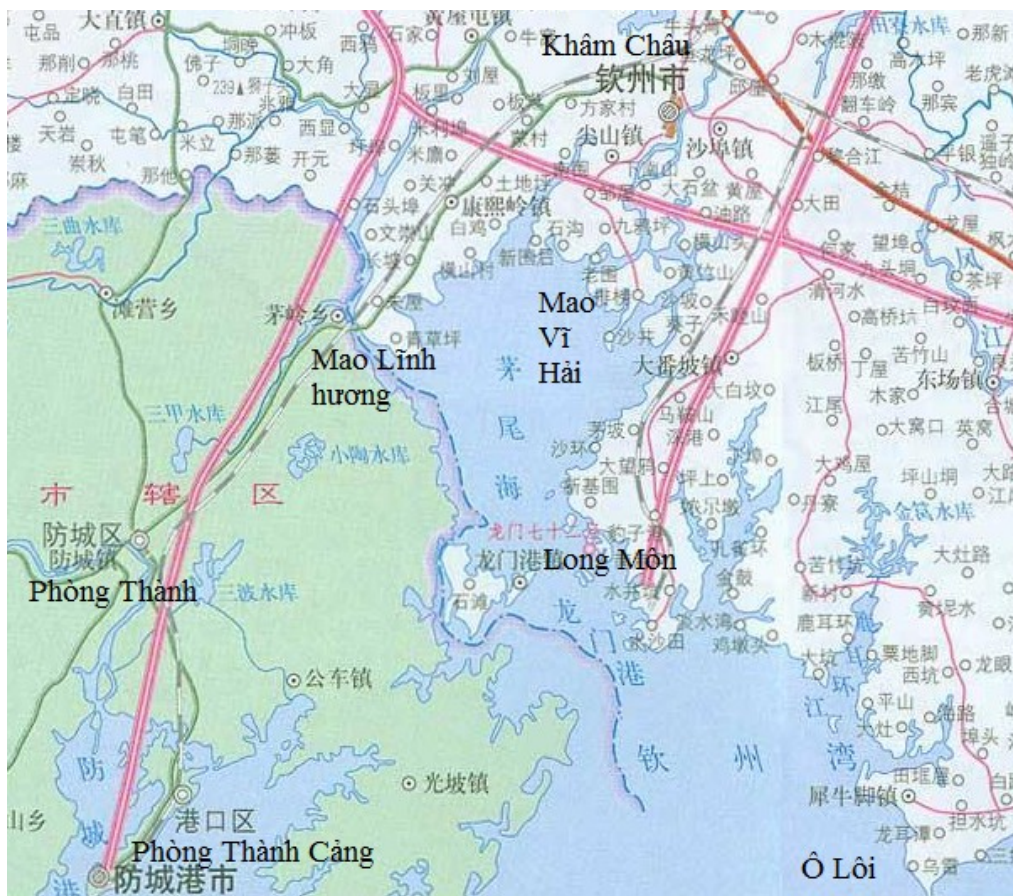
Năm 40AD, hai Bà Trưng khởi nghĩa, các quận thuộc Giao châu là Giao Chỉ, Hợp Phố, Cửu Chân, Nhật Nam cùng hưởng ứng. Hai Bà thành công và lập nên tự chủ, xưng vương. Năm 43AD, Hán Quang Vũ sai Mã Viện (Phục Ba) mang quân sang tấn công, Hai Bà thua trận, Mã Viện thiết lập nền đô hộ tàn bạo hơn trước, hủy bỏ văn hóa cổ Việt. Từ thời điểm này (43AD) trở đi; dù có nhiều cuộc khởi nghĩa với sự thành công ngắn hạn, nhưng cương vực không được sử liệu đề cập. Dù đến khi Ngô Vương Quyền thắng quân Nam Hán (939AD), nước Việt bắt đầu có sự độc lập, cương vực cổ Việt vẫn không được xác định. Dưới gần 1000 năm đô hộ; vùng đất này chỉ là quận huyện thuộc Trung Hoa!

2- Cương giới nước Việt thời tự chủ - vùng tiếp giáp với châu Khâm

a-Thời nhà Đinh (965 -979)

Đinh Tiên Hoàng (Đinh Bộ Lĩnh) thống nhất nước Việt (quốc hiệu là Đại Cồ Việt) sau khi dẹp yên 12 sứ quân. Trong thời nhà Đinh, không thấy sử sách đề cập đến vùng biên giới Việt Nam với châu Khâm, ngoại trừ sách Phương Đình Địa Dư Chí viết: “*Lại xét châu Khâm phía đông nam giáp bể có núi Ô Lôi, lại có núi Phân Mao giáo với An bang nước ta. Ô Lôi, Thanh Hoa, An Hải vốn là quận Hợp Phố. ... sau khi nhà Đinh dựng nước, Ô Lôi mất vào châu Khâm*”. Từ câu viết này chúng ta có thể biết được là **biên giới Việt Nam (Đại Cồ Việt) ở vùng châu Khâm giáp giới với Ô Lôi thuộc Liêm Châu.**

Ô Lôi (乌雷) là một ngọn núi nhỏ không cao nằm phía đông nam của thị trấn Phòng Thành, ngày nay vẫn còn địa danh này.



Địa danh Ô Lôi (乌雷)

Bản đồ từ Internet², phiên âm Hán Nôm do người viết ghi thêm

² Nguồn: "<http://www.kemap.net/map/UploadPic/2008-3/200831011214084434.jpg>



*Vị trí núi Ô Lôi
Địa hình từ Google Earth, địa danh do người viết ghi thêm*

b-Thời nhà Tiền Lê (979-1008)

Thời vua Lê Đại Hành (Lê Hoàn), Việt Nam đã phải chống trả lại một cuộc xâm lăng của nhà Tống, và đã thắng trong cuộc chiến tranh tự vệ, nền độc lập của nước Việt được duy trì. Thời điểm này ĐVSKTT đã nhắc đến hai sự kiện có liên quan đến vùng biên giới này như sau:

*“Át Mùi, Ứng Thiên, năm thứ 2, 995..., (Tống Chí Đạo năm thứ 1). ...Mùa xuân năm ấy, Chuyển vận sứ Lộ Quảng Tây nước Tống là Trương Quan, Binh mã giám áp trấn **Như Hồng** (如洪) thuộc Khâm Châu là Vệ Chiêu Mỹ đều tâu **rằng chiến thuyền của Giao Chỉ hơn trăm chiếc, xâm phạm trấn Như Hồng**, cướp bóc cư dân và lương thực rồi đi. ...”*

*"Bính Thân, Ứng Thiên, năm thứ 3, 996 ... Trước đây, bọn Văn Dũng là dân ở trấn Triều Dương nước ta làm loạn, giết người rồi trốn sang trấn **Như Tích** thuộc Khâm Châu của Tống (trấn **Như Tích** liền với trấn **Như Hồng**),..."*

Từ hai câu viết trên, địa danh Như Hồng cần được tra cứu thêm. Để tìm hiểu địa danh này; “**Độc sử phương dư kỷ yếu**” có nói về trấn **Như Hồng**³; tạm phiên dịch như sau:

³ Phiên âm Hán Nôm: "Hựu Như Hồng trấn, diệc (cũng, lại) tại châu tây nam. Tống chí Đạo Nguyên niên, Giao Chỉ Lê Hoàn khấu Khâm châu Như Hồng trấn. Như Hồng, hoặc viết tức Ngự Hồng chi ngoa (nhằm) dã. Minh Vĩnh Lạc thất niên (1409), Giao Chỉ tặc thuyền kiếp lược Khâm châu Ngự Hồng thôn, quan quân truy chí Giao Chỉ Vạn Ninh

"Nhu Hồng trấn ở phía tây nam (châu Khâm). Năm Đạo Nguyên ⁴ (? năm Chí Đạo 995?) thời Tống, Lê Hoàn (vua Lê Đại Hành) cướp trấn Nhu Hồng ở châu Khâm. "**Nhu Hồng**" **ngghi ngờ là có lẽ đã viết nhầm từ "Ngư Hồng"**. Năm Vĩnh Lạc thứ 7 (1409), hải tặc (tặc thuyền) Giao Chỉ vào cướp thôn Ngư Hồng ở châu Khâm, quan quân truy kích đến phía trên huyện Vạn Ninh của Giao Chỉ, thấy hải tặc, cố gắng bắt giữ."

Theo như sách ĐSPDKY thì trấn "Nhu Hồng" có lẽ là vùng cửa sông Ngư Hồng. Cửa sông Ngư Hồng (sông Mao Lĩnh ngày nay) là thị xã Mao Lĩnh hương.

" (Trấn Nhu Tích liền với trấn Nhu Hồng)" Nhu Tích kể bên Nhu Hồng. Trấn hay "đô" Nhu Tích cai quản các động Tư Lạc, Liễu Cát, La Phù. Ba động này ở về phía tây của trấn Nhu Hồng. **Vậy thời nhà Tiền Lê, hai trấn Nhu Tích và Nhu Hồng thuộc châu Khâm, không phụ thuộc vào lãnh thổ Đại Cồ Việt.**

KĐVSTGCM: "Lời chua - Nhu Hồng và Nhu Tích: Sách Thanh Nhất thống chí chép: trấn Nhu Hồng và trấn Nhu Tích đều ở về phía tây Khâm Châu, thuộc phủ Liêm Châu, tỉnh Quảng Đông."

So sánh những tra cứu với bản đồ chúng ta thấy có sự mâu thuẫn? Thời nhà Đinh khi nước Việt vừa có nền độc lập thì cương giới đến núi Ô Lôi, ở **phía đông** của trấn Nhu Tích và Nhu Hồng. Thời Tiền Lê thì cương giới ở **phía tây** của hai trấn Nhu Tích và Nhu Hồng.

Nhận xét số 10: So trên bản đồ, để những điều này có thể hợp lý thì thời Tiền Lê hai trấn Nhu Tích và Nhu Hồng ở phía bắc, thuộc châu Khâm. Lãnh thổ của Việt Nam nằm kể bên Nhu Tích và Nhu Hồng ở phía nam giáp biển, kéo dài từ Móng Cái ngày nay đến núi Ô Lôi.

c-Thời nhà Lý (1010-1225)

Thời vua Lý Thái Tổ, biên cương vùng này được nói tới một cách gián tiếp qua sử liệu:

ĐVSKTT: "*Nhâm Tuất, [Thuận Thiên] năm thứ 13 [1022], (Tống Cao Hưng năm thứ 1)... Xuống chiếu cho Dục Thánh Vương đi đánh Đại Nguyên Lịch. Quân ta đi sâu vào trại Nhu Hồng trong đất Tống, đốt kho đụn ở đó rồi về (Xét: Trại Nhu Hồng nước Tống giáp với trấn Triều Dương nước ta. Đại Nguyên Lịch là một giống người Di ở vào khoảng giữa hai vùng đất ấy.*

Quý Hợi, [Thuận Thiên] năm thứ 14 [1023], (Tống Nhân Tông, húy Trinh, Thiên Thánh năm thứ 1)..... đổi trấn Triều Dương làm châu Vĩnh An."

huyện hải thượng, ngộ tặc châu, tận cầm chi."

Nguyên văn: "又如洪镇，亦在州西南。宋至道元年，交趾黎桓寇钦州如洪镇。如洪，或曰即鱼洪之讹也。明永乐七年，交趾贼船劫掠钦州鱼洪村，官军追至交趾万宁县海上，遇贼舟，尽擒之"。

⁴ ĐVSKTT viết về biến cố này là " Ất Mùi, /Ứng Thiên/ năm thứ 2 /995/ , (Tống Chí Đạo năm thứ 1". Tra cứu theo biên niên sử của Trung Hoa thì đây là năm Chí Đạo. Có lẽ sách ĐSPDKY của Cố Tô Vũ viết lầm!

ĐVSKTT: "*Quý Dậu, [Thiên Thành] năm thứ 6 [1033] ... Mùa thu, tháng 7, ngày 12, châu mục châu Vĩnh An là Sư Dụng Hòa tâu rằng châu ấy có vực chân châu. Vua sai sứ đến tìm, quả nhiên tìm được.*"

KĐVSTGCM: "...trại Như Hồng ở về phía tây Khâm Châu, giáp giới với trấn Như Tích, cách châu Vĩnh An thuộc Giao Chỉ 20 dặm.

Tháng 9, mùa thu. Đổi trấn Triều Dương làm châu Vĩnh An.

Lời chua - Triều Dương: Xưa là bộ Ninh Hải; nhà Đinh, nhà Lê gọi là trấn **Triều Dương**; nhà Lý đổi làm châu **Vĩnh An**; nhà Trần đổi làm **lộ Hải Đông**; khi thuộc Minh gọi là châu **Tĩnh An**; nhà Lê cho lệ thuộc vào **An Bang**. Bây giờ là đất các châu Tiên Yên và Vạn Ninh, tỉnh Quảng Yên"

Qua hai đoạn sử liệu trên thì trại Như Hồng kề bên trấn Triều Dương (châu Vĩnh An). Như Hồng kề bên Như Tích, Như Tích giáp Việt Nam. Vậy Như Hồng giáp với trấn Triều Dương về phía nam (Như Hồng ở phía bắc của trấn Triều Dương). Sử liệu này bổ túc cho nhận xét số 8. **Biên cương vùng này không thay đổi từ thời Tiền Lê qua thời nhà Lý .**

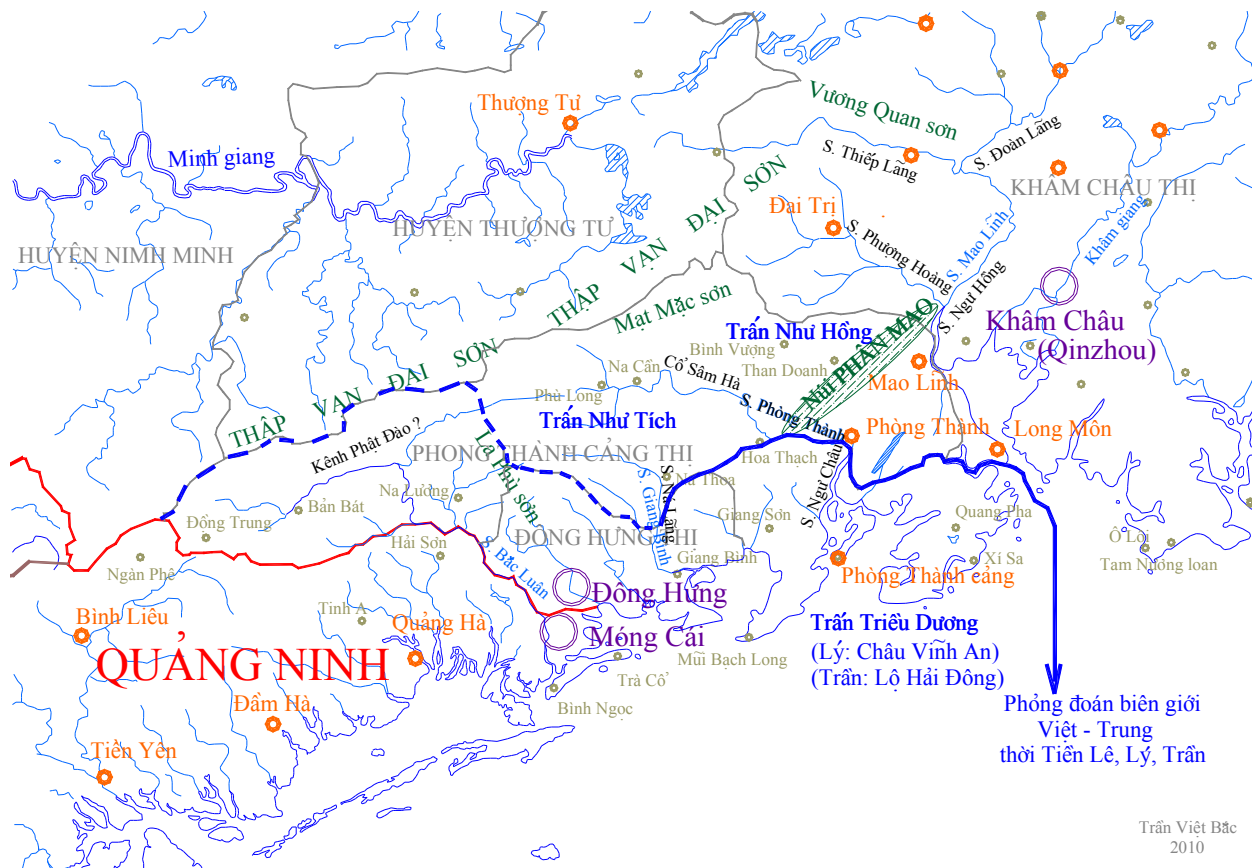
d-Thời nhà Trần (1225-1413)

Bên Trung Hoa, nhà Nam Tống (1127-1279) bị nhà Nguyên (1206-1367) diệt.

Thời nhà Trần có những biến cố liên quan đến biên giới vùng này như sau:

ĐVSKTT: "*Tân Sửu, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 10 [1241...Vua (nv: Trần Thái Tông) thân hành cầm quân đi đánh các trại Vĩnh An, Vĩnh Bình**"

ĐVSKTT: "** Ghi chú: Trại Vĩnh An của Tống thuộc đất châu Khâm, giáp với vùng Móng Cái, Quảng Ninh của ta. Trại Vĩnh Bình của Tống thuộc đất châu Ung, giáp với vùng Lộc Bình, Lạng Sơn của ta*".



*Phòng đoàn vùng biên giới Việt - Trung (Quảng Ninh và châu Khâm)
Thời Tiền Lê, Lý, Trần*

Ghi chú: đoạn "gạch nổi" chỉ là **ước đoán**, không có đủ tài liệu để phỏng đoán. Trong bài viết "Lịch sử tranh chấp chủ quyền "L'ENCLAVE PAK-LUNG..." của tác giả Trương Nhân Tuấn có đề cập đến sự tranh chấp trước khi hoàn tất Hiệp Định biên giới Pháp - Trung, " Các vùng Nà Dương 那陽, Đông Trung 崗中 và những nơi khác thì thuộc về An Nam", vì thế người viết đã vẽ đường biên giới với "gạch nổi" (trong bản đồ trên có hai địa danh ngày nay là Đông Trung và Na Lương).

e-Thời nhà Hậu Lê

ĐVSKTT: "*Bính Ngộ, [1426], (Minh Tuyên Tông Chiên Cơ, Tuyên Đức năm thứ 1) Vua chia các lộ trấn ở Đông Đô thành bốn đạo* * "

Ghi chú trong ĐVSKTT: * "*Bốn đạo: 1-Tây Đạo gồm các trấn Tam Giang, Hưng Hóa, Tuyên Quang và Gia Hưng; 2-Đông Đạo gồm các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách Thượng, Nam Sách Hạ và trấn An Bang; 3-Bắc Đạo gồm các lộ trấn Bắc Giang, Thái Nguyên; 4-Nam Đạo gồm các lộ Khoái Châu, Lý Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường.*

ĐVSKTT: "*Bính Tuất, [Quang Thuận] năm thứ 7 [1466],... Tháng 6, Đặt 13 đạo thừa tuyên: Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Thiên Trường, Nam Sách, Quốc Oai, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn và phủ Trung Đô.*"

ĐVSKTT: "*Mậu Tý, [Quang Thuận] năm thứ 9 [1468], (Minh Thành Hóa năm thứ 4) Tạ Chủng tâu việc các châu Vĩnh An Vạn Ninh⁵ bị cướp bóc*"

KĐVSTGCM: "... nhà (Tiền) Lê gọi là trấn **Triều Dương; nhà Lý đổi làm châu Vĩnh An; nhà Trần đổi làm lộ Hải Đông; khi thuộc Minh gọi là châu Tĩnh An; nhà Lê cho lệ thuộc vào An Bang. Bây giờ là đất các châu Tiên Yên và Vạn Ninh, tỉnh Quảng Yên**"

Phương Đình địa dư chí (PĐĐDC) của Nguyễn Văn Siêu viết về tỉnh Quảng Yên (trang 396): "*... Nhà Lê gọi là An bang, thuộc Đông Đạo, trong niên hiệu Quang Thuận đất An Bang thừa tuyên (Lê sử chép: năm thứ 10 niên hiệu Quang Thuận định bản đồ 12 thừa tuyên. An Bang 1 phủ 3 huyện 3 châu. Sách Thiên Nam Đư Hạ chép: An Bang thừa tuyên 1 phủ 7 châu huyện: Phủ Đông Hải, Hoàn Bồ, An Hưng, Chi Phong 3 huyện, Tân An, Vạn Ninh, Vân Đồn, Vĩnh An 4 châu.*"

PĐĐDC, trang 396: "... năm thứ hai niên hiệu Tuyên Đức, các động Tư Lãm, Thời (Thì) La, Cổ Sâm (Liễu) Cát làm phản phụ vào nước Giao Chỉ, ..."

Về những địa danh này, cụ Nguyễn Văn Siêu cũng đã viết thêm như sau: PĐĐC, trang 396: "**Tạp Trú của Nguyễn Thiên Tích** chép: 2 phủ, 8 huyện, 6 châu: Phủ Hải Đông gồm 3 huyện 4 châu: Hoa Phong, An Hưng, Hoàn Bồ, Vân Đồn, Tân An, **Vạn Ninh, Vĩnh An.** Phủ Dương Tuyền 5 huyện, 2 châu: Hoàn Cừ, Vân An, Hoa Nha, An Hóa, An Phó, **Như Tích, Chiêm Lăng.** Đó là 2 phủ 8 huyện 6 châu nguyên thuộc tỉnh Quang An, Mạc Đăng Dung nộp 2 châu Như Tích, Chiêm Lăng cho nhà Minh thuộc vào Khâm Châu, sau khi nhà Lê trung hưng, **chúa Trịnh Thanh Vương** cầu riêng với nhà Minh, phong cho là **phó quốc vương mới dâng đất 3 huyện thuộc phủ Dương Tuyền, nay chỉ còn một phủ, 3 huyện, 3 châu mà thôi.**"

Tuy nhiên; sau đó cụ đã **phản biện** về vấn đề dâng đất của Trịnh Thanh vương (Thanh Đô vương Trịnh Tráng, 1623- 1652) theo sách Tạp Trú của Nguyễn Thiên Tích, cụ cho là sự việc này không có thật; vì nhà Minh lúc này coi như đã bị diệt vong⁶. Sau đó Vĩnh Lịch đế Chu Do Lang chỉ là một hoàng đế làm vì; đang bôn tẩu. Vì thế **chuyện dâng đất của Trịnh Thanh vương không phải là sự thật!**

Không thấy chính sử của Việt Nam là bộ ĐVSKTT và KĐVSTGCM ghi lại việc Hoàng Kim Quang xin nội thuộc vào Việt nam năm 1427, tuy nhiên ĐNNTC hay PĐĐDC cũng như tài liệu của Trung Hoa đã nói về việc này.

⁵ Châu Vĩnh An : là trấn Triều Dương cũ.

Châu Vạn Ninh là châu đã có từ trước; các động do Hoàng Kim Quang xin nhập vào Việt Nam năm 1427 được nhà Lê cho lệ thuộc vào châu này. Ghi chú trong ĐVSKTT: "*Châu Vạn Ninh : sau là phủ Hải Ninh, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.*"

⁶ Nv: Sùng Trinh đế Chu Do Kiêm thất cố tự từ tháng 4 năm 1644; khi Sấm Vương Lý Tự Thành kéo quân về Bắc Kinh. Vì Ngô Tam Quế giúp, nên nhà Thanh chiếm được Bắc Kinh và làm chủ Trung Hoa từ tháng 10 năm 1644.

ĐNNTC: "bọn Hoàng Kim Quảng trương động Tư Lãm phản bội, chiếm cứ đất Tư Lãm, La Phù, Liễu Cát và Cổ Sâm, nhân đấy uy hiếp cả động Tư Lặc cùng tuần ti kênh Phật Đào gồm 9 thôn, dặng dài hơn 200 dặm, để phụ về nước An Nam. Họ Lê phong cho các chức kinh lược sứ, kinh lược đồng tri, và thêm sự mà vẫn nối đời giữ đất thuộc vào châu Vạn Ninh, ... "

Tìm hiểu nguyên nhân Hoàng Kim Quảng xin nội thuộc vào Việt Nam.

1- Nhà Nguyên bị sụp đổ năm 1368 (thời nhà Trần của Đại Việt 1225 -1400, Trần Dụ Tông 1341 - 1369), nhà Minh lên thay. Đối với các dân tộc thiểu số tại Quảng Tây, nhà Minh đổi lại chính sách cai trị. Hệ thống "Thổ ty" trên danh nghĩa vẫn được duy trì, nhưng đã bị biến đổi một cách nghiêm trọng với hệ thống gọi là "cải thổ quy lưu" (gai-tu gui-liu 改土歸流: thay đổi các "thổ ty" thành những đơn vị hành chính "bình thường"). Với chính sách này, chính phủ nhà Minh đã xen vào nội bộ của các sắc tộc một cách rõ ràng. Các "thổ ty" được chia ra làm các cấp bậc là "phủ" (fu 府), "châu" (zhou 州), "huyện" (xian 縣).

Trong thời gian này, các thị tộc chính của sắc tộc Tráng tại Quảng Tây là Hoàng (Huang 黃), Nùng (Nong 農), Sầm (Cen 岑) và sau đó là thị tộc Vi (Wei 韋). Thị tộc Nùng, sau thất bại của Nùng Trí Cao đã bị yếu đi, dân số bị giảm, vì một số chạy sang vùng Cao Bằng Việt Nam, một số sang Vân Nam. Tuy nhiên sắc tộc Dao đã trở nên hùng mạnh, và đã có những cuộc nổi dậy đáng kể.

Qua 5 đời vua đầu của nhà Minh , vấn đề thuế khoá tương đối thấp, nên không có cuộc nổi dậy nào đáng kể. Ngoại trừ cuộc nổi dậy của sắc tộc Dao năm 1392, nhưng đã bị quân đội nhà Minh dẹp yên ngay sau đó. Tuy nhiên từ giữa đời Minh về sau, dân các sắc tộc phải nộp thuế rất cao, đất đai canh tác bị chiếm bởi các thổ quan nhà Minh, vì thế các cuộc nổi dậy đã xảy ra liên miên. Năm 1430, Hầu Đại Cầu (Hou Dagou 侯大狗) thuộc sắc tộc Dao bắt đầu nổi dậy và đánh chiếm vùng trung tâm Quảng Tây. Từ năm 1446 đến 1481, Hầu Đại Cầu đánh chiếm khắp Quảng Tây và phía tây Quảng Đông. Bảy lần chiếm đóng Ngô châu (Wuzhou 梧州) là trung tâm hành chính của nhà Minh tại Quảng Tây. Đây là cuộc nổi dậy lớn nhất sau Nùng Trí Cao. Nhà Minh đã phải huy động 160 ngàn quân mới có thể dẹp yên."

Từ cuối năm 1426 đến cuối năm 1427, các đô cũng như các động vùng này đã biết nghĩa quân Lam Sơn đánh bại liên tiếp các đoàn quân tiếp viện của nhà Minh do Vương Thông (100 ngàn quân), Cồ Hưng Tổ (50 ngàn quân), Liễu Thăng (100 ngàn quân) và Mộc Thạnh (50 ngàn quân). Họ biết là nước Việt sẽ lấy lại độc lập. Thay vì nổi loạn để thoát khỏi những áp bức của nhà Minh (như Hầu Đại Cầu sau này - 1430) vì biết là không đủ sức để chống lại hay có thể kéo dài cuộc chiến trường kỳ như nghĩa quân Lam Sơn , họ quyết định xin nội thuộc vào Việt Nam. Đây là một hành động thích đáng để thoát cảnh áp bức và tránh chiến tranh theo như sự phỏng đoán của người viết.

2- Để tìm hiểu về sự liên quan giữa người dân vùng này với người Việt Nam và người Trung Hoa. Trong "*bản tường trình 12-9-1890 của Chiniac de Labastide*" (trong sách "BIÊN GIỚI VIỆT- TRUNG " của tác giả Trương Nhân Tuấn, từ trang 98 đến 116) trang 114 có đoạn viết như sau:

f-Thời Lê Trung Hưng

Đầu thời Hậu Lê những động xin nội thuộc vào Đại Việt đã được nhập vào châu Vạn Ninh và các động vẫn tự trị. Sau "biên cố Mạc Đăng Dung", những động này thuộc vào lãnh thổ Trung Hoa, tuy nhiên châu Vạn Ninh trước khi có các động phụ thuộc vẫn không thay đổi

ĐVSKTT: "*Giáp Ngọ, [Quang Hưng] năm thứ 17 [1594]: ...Ngày 11, Mạc Kính Cung lấy Mạc Ngọc Liễn làm thái phó đem quân chiếm giữ núi Yên Tử²⁶⁵³, đánh cướp huyện Vĩnh Lại, đi đến đâu nhiều người theo về. Tiết chế Trịnh Tùng sai Nguyễn Hoàng đem thủy quân tiến thẳng đến Hải Dương đánh tan. Ngọc Liễn chạy về huyện An Bác, sau chiếm giữ châu Vạn Ninh*".

KĐVSTGCM: "*Lời chua - Vạn Ninh: Từ đời Trần trở về trước là tên châu; lúc thuộc Minh đổi làm huyện; nhà Lê lại đặt làm châu; nay là phủ Hải Ninh thuộc tỉnh Quảng Yên*".

Chúng ta thử kiểm lại phần đất còn lại ở vùng này thuộc lãnh thổ Đại Việt

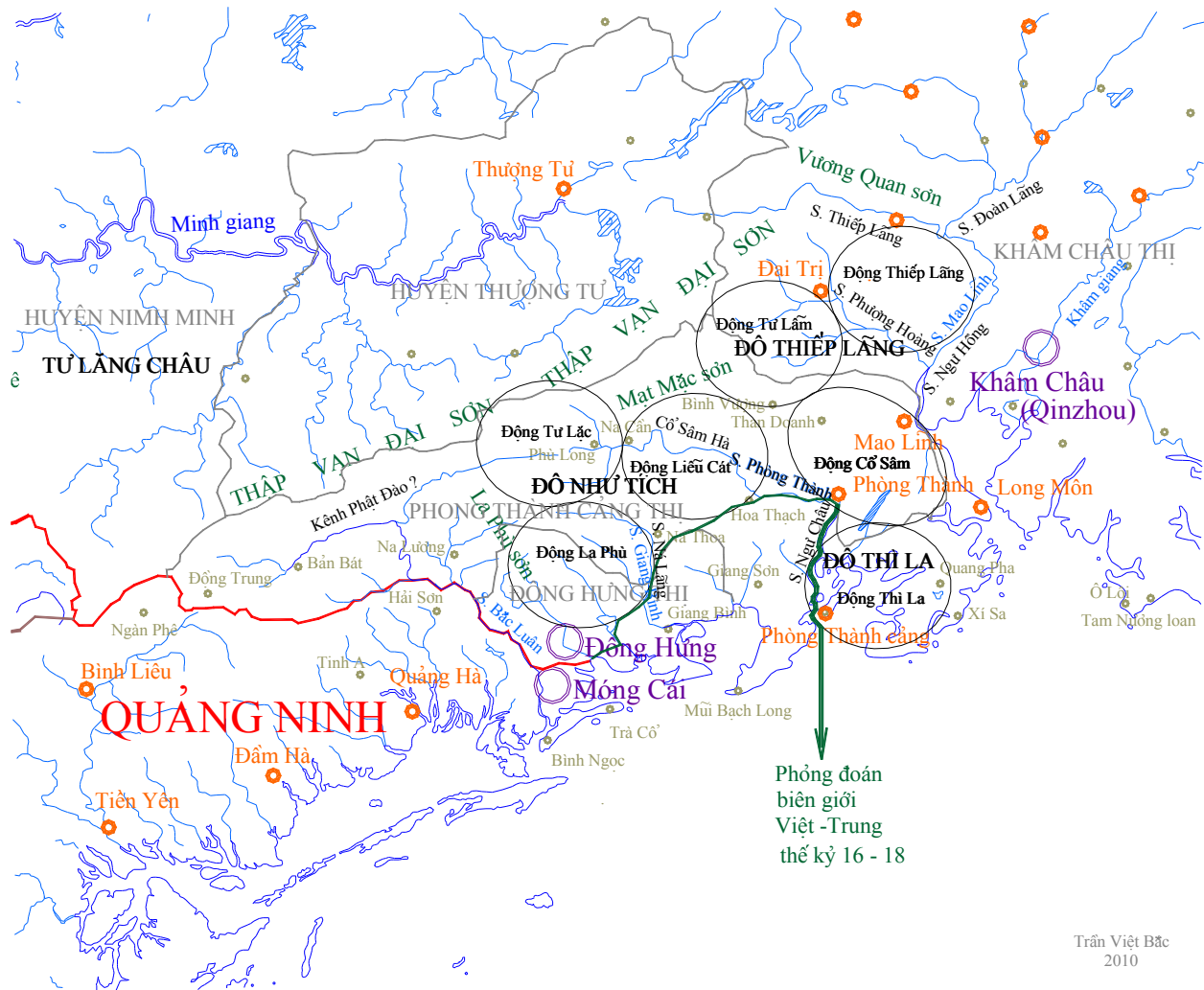
ĐVSKTT: "*... dâng các động Tê Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát, An Lương*, La Phù của châu Vĩnh An trấn Yên Quảng, xin cho nội thuộc vào Khâm Châu*".

*Ghi chú trong ĐVSKTT: "*Khâm Châu chỉ của nhà Thanh chỉ ghi 5 động, không có động An Lương. Cương mục dân Quảng Yên sách cho rằng động An Lương sau là phủ An Lương, thuộc châu Vạn Ninh nước ta và cho là Toàn thư chép lầm*".

PPĐDC: "*... Mạc Đăng Dung nộp 2 châu Như Tích, Chiêm Lãng cho nhà Minh thuộc vào Khâm Châu*"

Theo như những tra cứu ở phần trên thì 2 châu (hay "đô") Như Tích, Chiêm Lãng (Thiếp Lãng) gồm 6 động (Thiếp [Chiêm] Lãng, Tư Lãm, Cổ Sâm, Liễu Cát, Tư [Kim] Lặc, La Phù). Không thấy tài liệu nào đề cập đến **động Thì (Thời) La**. **Động này được nhận định (qua nhận xét số 3 ở trên) là vùng bán đảo phía nam Long Môn, phía tây Phòng Thành cảng ngày nay**. Từ thời Lê Trung Hưng qua thời Tây Sơn cũng như đầu thời nhà Nguyễn đã không có những biến chuyển về biên cương vùng này. Đến thời Pháp thuộc, vùng đất này không được xác định là phần lãnh thổ Việt Nam - vùng "L'ENCLAVE PAK-LUNG" trước khi có hiệp định biên giới Pháp - Trung 1887.

Có lẽ là tất cả những vùng đất mà Hoàng Kim Quảng, Hoàng Thánh Hứa xin nội thuộc vào Đại Việt năm 1427; gồm 7 động đã bị Mạc Đăng Dung trả lại cho Trung Hoa. Người viết xin **phỏng đoán** và vẽ lại "đường biên giới" như sau trong bản đồ:



*Phòng đoán vùng biên giới Việt - Trung (Quảng Ninh và châu Khâm)
 Từ thời Lê Trung Hưng đến hiệp định biên giới Pháp - Trung 1887*

Kể từ sau "biến cố Mạc Đăng Dung" năm 1540, Nhà Minh đã phải đương đầu với những khó khăn nội bộ, nạn hải tặc "Nụy Khâu" phía đông, phía bắc thì các bộ tộc uy hiếp Bắc Kinh. Cuối thời Minh, xảy ra loạn Lý Tự Thành, Sùng Trinh đế nhà Minh treo cổ tự tử, rồi đến việc người Mãn Thanh đánh chiếm và sau đó làm chủ Trung Hoa dựng nên nhà Thanh. Càn Long là một ông vua muốn bành trướng lãnh thổ, tuy nhiên vua Quang Trung nhà Tây Sơn đã chặn đứng âm mưu này. Nhà Thanh suy tàn, loạn Thái Bình Thiên Quốc từ Quảng Tây nổi lên, thêm cảnh người Âu Châu uy hiếp Trung Hoa. Qua ba thế kỷ, với những biến động nội bộ, mộng bành trướng lãnh thổ của Trung Hoa đã bị tạm gác qua một bên hay bị chặn đứng. Biên giới vùng này đã tạm yên cho đến thời Việt Nam bị Pháp thuộc.

3- Thời Pháp thuộc

Năm 1884, Bắc Việt đã bị Pháp xâm chiếm hoàn toàn và bị đặt dưới sự bảo hộ (hoà hòa ước Patenôtre tháng 5 Giáp Thân 1884). Chiến tranh Pháp - Trung xảy ra (1884 -1885), sau đó Pháp

hoàn toàn làm chủ Bắc Kỳ. Để xác định biên cương của Việt Nam mà Pháp bảo hộ, Pháp và Trung Hoa đã ký kết hiệp định biên giới 1887. Pháp nhượng vùng phía đông Quảng Ninh cho Trung Hoa, vùng “L’ENCLAVE PAK-LUNG” như tác giả TNT đã viết trong sách BGVT, và các bài viết khác của ông với những tham khảo công phu, cũng như các tác giả khác đã có những bài viết liên quan đến vấn đề này. Vì thế **người viết sẽ không đi xa hơn về vấn đề biên giới giữa Quảng Ninh và Khâm Châu sau hiệp ước phân định biên giới 1887.**

D- Mạc Đăng Dung và vấn đề dâng/trả/nộp (?) đất

Lịch sử đã không tha thứ cho những kẻ vì lợi ích cá nhân mà quên đi lợi ích chung của dân tộc. Những kẻ đã vì cá nhân hay dòng họ mà hy sinh **lợi ích của dân tộc**; đều sẽ bị lên án qua những trang sử mà hậu thế phê phán. Thái Tổ Mạc Đăng Dung hay bất cứ ai cũng không qua được những sự phê phán này. Lây đất của tiền nhân dâng cho ngoại bang để mưu cầu lợi ích cá nhân sẽ bị lên án gắt gao là kẻ bán nước, kẻ phản quốc. Sự kiện Mạc Đăng Dung dâng/trả/nộp (?) đất cho nhà Minh đã bị bộ chính sử của Việt Nam là ĐVSKTT lên án gắt gao. Thời cận đại; Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim cũng đã lên án với lời lẽ còn mạnh mẽ hơn! Tuy nhiên những lời kết án này, có đúng hay chẳng? Lên án vì một **quan niệm**; hay vì bổng lộc và chức tước được hưởng từ triều đại đang phục vụ, để bảo vệ những quyền lợi của vua chúa, dòng họ, cá nhân hay vì lợi ích dân tộc? **Đặt căn bản trên lợi ích của dân tộc**, - chúng ta - hậu thế một lần nữa nên tìm hiểu thêm về vấn đề này.

Sử liệu viết về biến cố này trong ĐVSKTT, phần Bản Kỷ Tục Biên, quyển 16 do Phạm Công Trứ biên soạn. Phạm Công Trứ (1600-1675) làm quan qua 5 triều vua thời Lê Trung Hưng với chức thượng thư bộ Lại rồi bộ Lễ, ông như một tể tướng, đặc biệt rất được các chúa Trịnh tin dùng. Trong thời ông, nhà Mạc dù đã di chuyển lên Cao Bằng nhưng vẫn còn là một kẻ thù của nhà Lê và chúa Trịnh. Vì thế đoạn sử này khó có thể có sự khách quan khi ông viết về kẻ thù!

Trước khi có những nhận xét về vấn đề này, trước hết chúng ta - những kẻ hậu thế - nên đặt câu hỏi về cái nhìn trong vấn đề này theo quan điểm nào? Theo quan niệm Nho học, Khổng giáo của các sử quan đặt căn bản vào "tam cương" là "*quân thân phụ tử phu phụ* (vua tôi, cha con, chồng vợ)". Hay ngược lại là "*dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*" (dân đáng quý, sau đó là xã tắc, vua chúa thì nhẹ) của Mạnh Tử, mà các triều đại của Trung Hoa cũng như Việt Nam chỉ nghe và đọc chứ chưa bao giờ dám thi hành dưới chế độ quân chủ chuyên chế.

Hậu thế chúng ta khác! Tư tưởng dân chủ đang nảy mầm ở phương đông, người dân làm chủ đất nước, tư tưởng cá nhân dòng họ hay đảng phái làm chủ đất nước đang trôi vào quá khứ, vì thế sự nhận xét của chúng ta về “Biến cố Mạc Đăng Dung” sẽ khác với quan niệm của sử gia dưới các chế độ phong kiến hay độc tài chuyên chế.

Trước khi tìm hiểu về "vụ án" này, hậu thế chúng ta hãy kiểm xem ai là những kẻ vì lợi ích cá nhân hay dòng họ đã cầu viện ngoại bang; mà có thể đây là nguyên nhân cho nhà Minh mang quân sang với mưu toan xâm lược Đại Việt.

1- Việc cầu cứu nhà Minh cuối thời Hậu Lê

Sự kiện:

a- Năm 1527 Nhà Mạc cướp ngôi nhà Hậu Lê

ĐVSKTT: "*Đình Hợi, [Thống Nguyên] năm thứ 6 [1526] , (Từ tháng 6 trở về sau, Mạc tiếm hiệu là Minh Đức năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 6). Tháng 6, Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai vào Kinh, bắt vua nhường ngôi. **Bấy giờ, thần dân trong Kinh đều theo Mạc Đăng Dung và đều đón Đăng Dung vào Kinh...***"

ĐVSKTT: "*Mậu Tý, [1528]Đăng Dung sợ nhà Minh hỏi tội, bèn lập mưu cắt đất dâng nhân dân hay châu Quy, Thuận và hai tượng người bằng vàng và bạc cùng châu báu, của lạ, vật lạ. Vua Minh thu nhận. Từ đấy Nam Bắc lại thông sứ đi lại".⁷ Sự kiện này sách KĐVSTGCM đã đính chính và cho là sử cũ đã bị lầm ⁸ vì ai châu Quy Hóa và Thuận An đã thuộc về Trung Hoa thời nhà Tống.*

b- Con cháu nhà Hậu Lê cầu cứu nhà Minh:

- **Năm 1529, quan nhà hậu Lê là Trịnh Ngung và Trịnh Ngang cầu cứu nhà Minh.**

ĐVSKTT: "*Kỷ Sửu, [1529] , Khi ấy, bề tôi cũ của triều Lê là hai anh em Trịnh Ngung, Trịnh Ngang chạy sang tố cáo với nhà Minh. Họ Mạc đem nhiều lễ đút lót cho nhà Minh để phá. Việc không thành, hai anh em đều chết ở bên Minh."*

- **Nguyễn Kim "thừa lệnh" ông vua lưu vong Lê Trang Tông (Lê Ninh) sai Trịnh Duy Liễu sang cầu cứu nhà Minh.**

ĐVSKTT: "*Quý Tỵ, [Nguyên Hòa] năm thứ 1 [1533], Mùa xuân, tháng giêng, vua lên ngôi ở Ai Lao, đặt niên hiệu là Nguyên Hòa, tôn Đại tướng quân Nguyễn Kim là Thượng phụ thái sư Hưng quốc công, ... Lại liên kết với vua Ai Lao Xạ Đẩu, nhờ họ giúp binh khí, lương thực để mưu việc đánh lấy lại nước. Vua sai Trịnh Duy Liễu sang nhà Minh tâu rằng vì Mạc Đăng Dung tiếm loạn, chiếm giữ kinh thành, ngăn trở đường đi nên bỏ lâu việc tiến cống".*

KĐVSTGCM: "*Quý Tỵ. Lê Trang Tông Dụ hoàng đế, năm Nguyên Hòa thứ 1 (1533) ... Trước kia, **hiều lần sai người đem thư sang nhà Minh báo cáo về nạn nước.... Vậy xin nhà Minh***

⁷ Vùng Quy Thuận gồm hai châu Quy Hoá (归化) và Thuận An (顺安) hợp lại từ thế kỷ 13 thời nhà Tống, vùng này nằm kế phía bắc của tỉnh Cao Bằng. Thị trấn chính của vùng này là Tịnh Tây (Jingxi 靖西).

Quy Thuận châu chí : "... Quy Thuận châu, Tổng trí ; Minh Vĩnh Lạc thuộc Trấn An phủ, hoàng trị cai trí Quy Thuận thổ châu ; Thanh sơ thuộc Tư Ân phủ, Ung Chính cải thổ quy lưu"

⁸ K ĐVSTGCM: "*từ năm Gia Tĩnh thứ 7 (1528) đến năm thứ 17 (1538), trải hàng 10 năm chưa từng có sứ đi thông hiếu, thế mà sử cũ, ở năm Gia Tĩnh thứ 7, đã vội chép rằng "Đăng Dung tính chuyện cắt đất dâng nộp hai châu Quy, Thuận, từ đó Nam, Bắc lại cho sứ giả đi lại thông hiếu ". Về việc này, những điểm sử cũ chép đó điều xa sự thực, nên nay rút bớt đi mà chép phụ vào đây để tham khảo."*

dấy quân hỏi tội họ Mạc. Nghiêm Tung, Lễ bộ thượng thư nhà Minh, tâu nói: "Những lời điều trần của Duy Liễu chưa chắc đã có căn cứ đích xác. Vậy xin cho lưu Duy Liễu ở lại sứ quán, rồi sai quan sang khám xét sự thực".

- Trịnh Viên sang Trung Hoa cầu cứu nhà Minh

KĐVSTGCM: "Sau chuyến Trịnh Duy Liễu đã đi, nhà vua thấy lâu không có tin tức tăm hơi gì, lại sai Trịnh Viên sang Minh. Viên đi đến Vân Nam thì quan hội khám nhà Minh là bọn Đào Phụng Nghi cũng vừa tới nơi, Viên bèn trình bày tất cả sự việc họ Mạc thí nghịch và tình hình vua Lê bốn ba long đong. **Viên thỉnh cầu nhà Minh xuất quân đánh Mạc.** Quan hội khám về triều báo cáo. Vua Minh giao việc này xuống để đình thần bàn xét. Mọi người trong bộ Lễ và bộ Binh đều nói: "Đặng Dung có mười tội to, không thể không đánh được".

c- Vua nhà Minh sai Cừ Loan và Mao Bá Ôn mang quân sang đánh nhà Mạc.

KĐVSTGCM: "Đình Dậu, năm thứ 5 (1537). (Mạc, năm Đại Chính thứ 8 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 16). Tháng 2, mùa xuân. Minh dùng Cừ Loan làm tổng đốc, Mao Bá Ôn làm tán lý quân vụ, đi đánh Mạc Đăng Dung".

Việt Sử Toàn Thư của Phạm Văn Sơn: "lúc nghe tin Minh dấy quân, triều Mạc chỉ cử một phái đoàn ngoại giao do Nguyễn Văn Thái cầm đầu. Sử không chép phái đoàn này đã thu xếp cách nào mà việc binh giữa nhà Minh và ta lại êm trong 3 năm rồi tới năm Canh Tý (1540) lại thấy nhà Minh đem lực lượng võ trang sang ta."

KĐVSTGCM: "Canh Tý, năm thứ 8 (1540)...Trước kia, tướng Minh là bọn Cừ Loan và Mao Bá Ôn đã đến Quảng Tây, trưng tập các lang binh của thổ quan ở các tỉnh Lương Quảng, Phúc Kiến và Hồ Quảng. Lại truyền hịch đi Vân Nam sai tập hợp binh lính để chờ đợi nhật kỳ xuất quân. Bọn Cừ Loan lại bàn:

Chia chính binh làm ba đội tiểu binh, từ Quảng Tây đi các xứ Bằng Tường, Long Châu và Tư Minh; Chia kỳ binh làm hai toán tiểu binh; toán xuất phát từ châu Quy Thuận gọi là Sơn Tiểu, toán xuất phát từ núi Ô Lô gọi là Hải Tiểu. Kể cả chính binh và kỳ binh trên đây cộng 22 vạn người. Lại chia quân Vân Nam ở ghềnh Liên Hoa làm ba toán tiểu binh, mỗi toán gồm 21.000 người. Tất cả đều lên đường, đồng thời xuất phát.

Lại truyền hịch sang ta dụ bảo về nghĩa phục hưng nước đã mất, nói lại dòng họ đã tuyệt, sự đánh dẹp chỉ nhằm một mình cha con Đặng Dung là kẻ có tội. ... Tướng Minh lại dụ bảo cha con Đặng Dung nếu biết tự trối nộp mình đợi tội, thành khẩn dâng hết các sổ sách về đất đai và nhân dân thì được tha cho tội chết. Bọn Bá Ôn đóng quân dựng đồn ở gần nơi biên giới."

Câu hỏi được đặt ra ở đây là thực sự nhà Minh muốn đánh nhà Mạc vì **sự cầu cứu của nhà Hậu Lê lưu vong**, hay chỉ là một sự phô trương thanh thế? Qua những diễn tiến và bàn cãi đã được mô tả trong Minh Thực Lục⁹, thì nhà Minh chỉ muốn phô trương thanh thế để "dọa" Mạc Đăng Dung!

⁹ Ming Shi Lu (Minh Thực Lục, Thế Tông Thực Lục, năm Gia Tĩnh" . Bản dịch Anh ngữ trong trang web sau: <http://epress.nus.edu.sg/msl/entry/2568>

Thời Gia Tĩnh (Minh Thế Tông Chu Hậu Thông 1507 - 1566), triều đình nhà Minh đang bị **Nghiêm Tung** thao túng. Một chi nhánh của tộc Mông Cổ là bộ lạc Đạt Đán do Yêm Đáp lãnh đạo uy hiếp Bắc Kinh. Minh Thế Tông sai **Cừ Loan** là một người trong phe đảng của Nghiêm Tung mang quân bảo vệ kinh đô. Với hơn trăm ngàn quân; ông này "được" Nghiêm Tung bảo là đừng chống lại quân Mông Cổ. Kết quả là quân của Đạt Đán cướp người ngựa và tài vật rất nhiều¹⁰. Rồi cuộc nổi dậy của những người lãnh đạo hai thị tộc người Tráng tại Quảng Tây là Sầm Mãnh rồi sau đó là hai cha con Vi Triều Uy và Vi Ngân Báo (1530- 1571). Hơn nữa lúc này nhà Minh đang phải lo đối phó nạn "Nụy Khẩu" và phải nhờ đến sự giúp sức của một người đàn bà là vợ Sầm Mãnh - Ngõa Thị phu Nhân Sầm Hoa - để đánh dẹp "Nụy Khẩu"! Sao lại phải nhờ đến sự giúp sức của một người đàn bà tộc Tráng và quân của bà ở vùng rừng núi Quảng Tây hẻo lánh để chống hải tặc!?. Các đảng "trượng phu" Hán tộc huênh hoang tự cao tự đại coi thường nữ giới và "man di" ở đâu?

Từ những sự việc vừa nêu, người viết phỏng đoán là khi "**Cừ Loan làm tổng đốc**" mang quân tới phía cực nam xa xôi để đánh họ Mạc, thì đây chỉ là một sự phô trương thanh thế để giữ thể diện cho Minh triều mà thôi! Tiếc rằng họ Mạc đã không biết nội tình triều đình nhà Minh để mang quân đương cự lại, phỏng đoán là nếu họ Mạc dàn trận, thì Cừ Loan và Mao Bá Ôn có lẽ sẽ rút lui (theo sự "can gián" nhà vua của Nghiêm Tung?) và Việt Nam không bị mất một tấc đất!

2- Sự kiện Mạc Đăng Dung hàng nhà Minh và nộp đất

a-Sử liệu:

KĐVSTGCM: "*Canh Tý, năm thứ 8 (1540). (Mạc, năm Đại Chính thứ 11 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 19). ...Tướng Minh lại dụ bảo cha con Đăng Dung nếu biết tự trói nộp mình tội, thành khẩn dâng hết các sổ sách về đất đai và nhân dân thì được tha cho tội chết. Bọn Bá Ôn đóng quân dựng đồn ở gần nơi biên giới. Bấy giờ Đăng Doanh đã chết rồi. Đăng Dung được tin, cả sợ, sai sứ giả đến cửa quân của tướng Minh, trần tình, nguyện xin ra khỏi bờ cõi, đầu hàng, và kính cẩn vâng theo lệnh trên phân xử*".

ĐVSKTT: "*Canh Tý, [Nguyên Hoà] năm thứ 8 [1540], (Mạc Đại Chính năm thứ 11; Minh Gia Tĩnh năm thứ 19). ... Mùa đông, tháng 11, Mạc Đăng Dung cùng với cháu là Văn Minh và bề tôi là bọn Nguyễn Như Quế, Đỗ Chế Khanh, Đặng Văn Tri, Lê Thuyên, Nguyễn Tổng, Tô Văn Túc, Nguyễn Kinh Tế, Dương Duy Nhất, Bùi Trí Vĩnh, qua Trấn Nam Quan, mỗi người đều cầm thước, buộc dây ở cổ, đi chân không đến phủ phục trước mặt phủ của quân Minh quỳ gối, cúi đầu dâng tờ biểu đầu hàng, nộp hết sổ sách về đất đai, quân dân và quan chức cả nước để chờ phân xử, dâng các động Tê Phù, Kim Lạc, Cổ Sâm, Liễu Cát, An Lương, La Phù của châu Vĩnh An trấn Yên Quảng, xin cho nội thuộc vào Khâm Châu. Lại xin ban chính sóc, cho ấn chương, để kính cẩn coi giữ việc nước và chờ lệnh thay đổi hay quyết định khác. Lại sai bọn Văn Minh và Nguyễn Văn Thái, Hứa Tam Tĩnh mang biểu đầu hàng sang Yên Kinh*".

Qua các tài liệu cổ, người viết chỉ thấy PĐĐDC của cụ Nguyễn Văn Siêu viết về tỉnh Quảng Ninh như sau: "... nhà Mạc lại giả lại nhà Minh, là giả lại đất lán, không phải cắt đất để đút lót vậy, ... ". **Một câu viết có tính cách biện hộ cho Mạc Đăng Dung.**

¹⁰ Tham khảo tài liệu từ sách "*Lịch sử Trung Quốc 5000 năm*" của Lâm Hán Đạt và Tào Dự Chương, nhà xuất bản Trẻ, tập 3, trang 342,

d-Sự kết án của sử gia Trần Trọng Kim trong Việt Nam Sử Lược (VNSL):

VNSL: "...Quan nhà Minh tuy làm bộ hống-hách nói đem binh sang đánh, nhưng cũng sợ phải cái vạ như mấy năm bình-định ngày trước, và lại được tiền bạc của Đãng Dung rồi, cái lòng nhiệt thành vì quốc cũng nguội đi, cho nên mới tâu với vua nhà Minh xin phong cho Mạc Đãng Dung làm chức Đô-thống-sứ hàm quan nhị-phẩm nhà Minh.

Mạc Đãng Dung đã làm tôi nhà Lê mà lại giết vua để cướp lấy ngôi, ấy là một người **ngịch thần**; đã làm chủ một nước mà không giữ lấy bờ-cõi, lại đem cắt đất mà dâng cho người, ấy là một người **phản quốc**. Làm ông vua mà không giữ được cái danh-giá cho trọn- vẹn, đến nỗi phải cời trần ra trói mình lại, đi đến quì lạy ở trước cửa một người tướng của quân nghịch để cầu lấy cái phú-quí cho một thân mình và một nhà mình, ấy là một người **không biết liêm-sĩ**.

Đối với vua là nghịch thần, đối với nước là phản quốc, đối với cách ăn-ở của loài người, là **không có nhân-phẩm**; một người như thế ai mà kính phục? Cho nên dẫu có lấy được giang-sơn nhà Lê, dẫu có mượn được thế nhà Minh bênh-vực mặc lòng, một cái cơ-nghiệp dựng lên bởi sự gian-ác hèn-hạ như thế, thì không bao giờ bền-chặt được. Cũng vì cơ ấy cho nên con cháu họ Lê lại trung-hưng lên được.

c- Sự biện hộ của sử gia Phạm Văn Sơn trong Việt Sử Toàn thư (VSTT):

VSTT: "Xét bản cáo trạng và cả lời luận tội của tác giả Việt Nam Sử Lược ta thấy có vẻ dễ dàng và quá giản dị khiến ta ngạc nhiên về lối suy luận của tác giả, một nhà Nho kiêm cả tân học. Căn cứ vào cuốn sử nào mà Trần Trọng Kim đã hạ những nhát búa quá nặng nề đối với nhà Mạc, một triều đại mà ta không thể phủ nhận tinh thần phục vụ quốc gia của họ?"

....

Và đứng trên quan điểm nhân dân thì lại càng vô lý, nếu người ta muốn rằng đám vua quan ác bạo thối nát đời bấy giờ cứ dè dặt cuời cổ người dân mãi mãi. Không có họ Mạc ra đời thuở đó, thì trong nhân dân cũng phải có một người khác nhẩy ra để thiết lập trật tự mới.

....

Còn việc cắt đất cầu hòa của họ Mạc? Để bãi một cuộc chiến tranh với một cường quốc trong khi dân mình yếu hèn, rối loạn. Họ Mạc phải cắt năm động thổ mán vùng thượng du, thật ra chưa là bao.

...

Trái lại không lượng sức mình mà đưa cả dân tộc vào chiến tranh đến nỗi mất cả xứ sở, chết chóc muôn vạn sinh mạng, đó mới là **xuẩn động** và đáng trách. Tại đây chúng tôi xin ngừng lại để chúng ta cùng suy tưởng: cái bại trận dưới thời nhà Hồ chưa đủ cho ta rút kinh nghiệm sao?

....

Một chứng cứ nữa về sự khôn ngoan của Mạc Đãng Dung là khi Mao Bá Ôn đưa thư sang đòi Mạc nộp sổ sách ruộng đất, nhân dân và chịu tội thì được tha chết như Việt Nam Sử Lược đã chép, họ Mạc chỉ phái bọn Nguyễn Văn Thái lên Nam Quan để điều đình. Việc này xảy ra vào năm Đinh Dậu (1537). Phái đoàn Nguyễn Văn Thái thành công nên Bắc quân không tiến vào nội địa nước ta nữa.

Rồi tháng 11 năm Canh Tý (1540) quân Bắc lại sang. Lần này họ Mạc biết rõ tình ý của nhà Minh chỉ làm chuyện diêu võ dương uy mà thôi, nên đã thân hành lên gặp người Minh. Sự thật đôi bên cần giáp mặt nhau để cùng quyết định mọi vấn đề đã nêu ra ba năm trước mới có tính cách đại cương, sơ bộ mà thôi.

Một điểm khác, ngoài điểm tâm lý của Mạc Đăng Dung, trong việc đụng chạm với người Minh thuở ấy đã nói khá nhiều ở trên, còn thái độ của Mạc Đăng Dung cũng cần phải xét để hiểu Mạc Đăng Dung có hèn như Việt Nam Sử Lược đã nói không. Ta xem bài thơ xướng họa¹¹ giữa Mao Bá Ôn và cụ trạng Giáp Hải nhà Mạc thì càng rõ, kẻ xướng có vẻ kiêu căng mà người họa kém phần ngạo nghệ.

Nào biết nơi tan duy biết tự
Chỉ hay khi nổi nọ hay chìm
Giữa trời giông tố thành linh nổi
Quét bạt ra khơi hết kể tìm.
(Mao Bá Ôn)

¹¹ Nguyên xướng của Mao Bá Ôn là:

Vịnh Cảnh Bèo

Tùy duyên trục thủy mạo ương châm
Đảo xứ khan lai thực bất thâm
Không hữu bản căn không hữu cán
Cầm sinh chi tiết cầm sinh tâm
Đồ trừ tự xứ minh tri tán
Đản thức phù thì ná thức trầm
Đại để trung thiên phong khí ác
Tảo qui hồ hải tiện nan tâm.

Lược dịch:

Ruộng nước lênh đênh nhỏ tựa kim
Nơi nơi trông thấy mọc nông mèm
Đã không cành cối còn không gốc
Dám có rễ mầm lại có tim
Nào biết nơi tan duy biết tự
Chỉ hay khi nổi nọ hay chìm
Giữa trời giông tố thành linh nổi
Quét bạt ra khơi hết kể tìm.

Đại biểu nhà Mạc đã trả lời:

Cầm lân mật mật bất dung châm
Đối điệp liên căn bất kể thâm
Thượng dữ bạch vân tranh thủy diện
Khẳng giao hồng nhật chiếu ba tâm
Thiên tòng lãng đã thanh nan phá
Vạn trận phong xuy vĩnh bất trầm
Đa thiếu ngư long tàng giá lý
Thái công vô kế hạ câu tâm.

Lược dịch:

Vây gắm khen dày chẳng lọt kim
Lá liên dễ mọc kệ nông mèm
Mây bạc không cho soi thủy diện
Ánh hồng đâu dễ rọi ba tâm
Sóng dòn ngàn lớp không xô vỡ
Gió rập muôn cơn khó đánh chìm
Rồng cá ít nhiều nương dưới đó
Cần câu Lã Vọng hết mong chờ.

Sóng dôn ngàn lớp không xô vỡ
Gió rập muôn cơn khó đánh chìm
Rồng cá ít nhiều nương dưới đó
Cần câu Lã Vọng hết mong chờ.
(Trạng Giáp Hải)

Vua tôi nhà Mạc đã dám ăn miếng trả miếng đến nơi đến chốn như vậy mà bảo rằng chính những người này đã phải quỳ lạy trước cửa tướng của địch, ta có thể tin được chăng? Và cứ khẩu khí bài thơ họa của nhà Mạc đã đáp lại bài nguyên xướng của Mao Bá Ôn ở trên, từng điểm thì đủ rõ, ta thấy nếu Minh quá gắng thì Mạc cũng dám đo gươm thử giáo. Vậy họ Mạc không hèn như người ta đã nói. Trần Trọng Kim còn cho rằng Mạc đã xây dựng sự nghiệp trên sự tàn ác nên không bền. Lời phê phán này lại càng hàm hồ nữa.

...
Nhà Mạc phát khởi từ năm 1527 đến 1667 mới tuyệt hẳn.

....
Tóm lại cái án Mạc Đăng Dung cần phải xóa bỏ trên bộ quốc sử của chúng ta để tránh một sự vu khống và thóa mạ tiền nhân một cách bất công và vô lý. Chúng tôi tin rằng các trí thức và học giả ngày nay suy xét hay bày tỏ sự việc không hàm hồ như một số sử thần của thời phong kiến vừa qua.

d- So sánh sự việc

i- Như đã trình bày trong phần trước, khi nhà Hậu Lê suy vong và bị nhà Mạc cướp ngôi, vua Lê phải bôn tẩu, một số quan chạy theo.

- Để mong khôi phục lại, Lê Trang Tông (Lê Ninh) đã nhiều lần cầu cứu nhà Minh mang quân sang đại Việt. Các sử gia trong hai bộ chính sử là ĐVSKTT cũng như KĐVSTGCM đã không lên án về việc này, hành động "cống rắn cắn gà nhà" hay "rước voi giày má tổ".

- Có phải ông Phạm Công Trứ - một đại thần thời Lê Trung hưng qua 5 triều vua- người làm chủ biên phần "Bản kỷ tục biên" sách ĐVSKTT đã thiên lệch; lên án việc Mạc Đăng Dung hàng nhà Minh, "dâng" đất nhưng bỏ qua việc cầu cứu ngoại bang của vua tôi nhà Hậu Lê?

-Có phải vì ông Nguyễn Kim, thân phụ của Nguyễn Hoàng người chủ trương cầu cứu nhà Minh để khôi phục nhà Hậu Lê - là tổ của vương triều Nguyễn - mà các sử gia viết KĐVSTGCM của quốc sử quán triều Nguyễn đã có sự thiên lệch, tương tự như sử gia viết sách ĐVSKTT (phần tục biên viết về họ Mạc).

Rồi đến cuối thời Lê Trung hưng, Lê Chiêu Thống lại cầu cứu nhà Thanh. Việt Nam nếu không có vua Quang Trung đánh đuổi quân Thanh ra khỏi bờ cõi thì có lẽ lại một lần nội thuộc phương bắc nữa đã xảy ra.

ii - Nhà Mạc khi suy vong có cầu cứu nhà Minh hay không ¹²? Chúng ta - hậu thế- đọc lại đoạn sử sau trong ĐVSKTT của sử thần thời Hậu Lê:

"1593,...Tháng 3, Mạc Ngọc Liễn trốn lên phương bắc, ngầm tìm người tông thất họ Mạc, tìm được người con của Mạc Kính Điển là Đôn Hậu Vương Mạc Kính Cung ở châu Văn Lan, lập làm người nối nghiệp họ Mạc, đặt niên hiệu là Càn Thống năm thứ 1.

... Tháng 7, ngày mùng 2, Phò mã đô úy thái phó Đà quốc công Mạc Ngọc Liễn đem quân chiếm giữ châu Vạn Ninh, bị ốm chết. Con là bọn phò mã Sơn Đông chạy sang Long Châu phụ theo Mạc Kính Cung.

*1594, ... Khi Ngọc Liễn sắp lâm chung, có di chúc để lại khuyên Mạc Kính Cung rằng: "Nay khi vận nhà Mạc đã hết, họ Lê lại phục hưng, đó là số trời. **Dân ta là dân vô tội mà để phải mắc nạn binh đao, sao lại nỡ thế!** Bọn ta nên tránh ra ở nước khác, chứa nuôi uy sức, chịu khuất đợi thời, xem khi nào mệnh trời trở lại mới có thể làm được. Rất không nên lấy sức chọi sức, hai con hổ tranh nhau tất có một con bị thương, không được việc gì. Nếu thấy quân họ đến thì ta nên tránh, chớ có đánh nhau, nên cẩn thận mà giữ là hơn. **Lại chớ nên mời người Minh vào trong nước ta mà để dân ta phải làm than đau khổ, đó cũng là tội lớn không gì nặng bằng**". Đến đây thì chết."*

Dù rằng sau khi con cháu nhà Mạc phải chạy lên Cao Bằng (1593), rồi chạy sang Quảng Tây (Long Châu), chỉ "mách" với nhà Minh về việc chúa Trịnh tiếm quyền, chứ không cầu cứu để nhà Minh mang quân vào Việt Nam (lúc này nhà Minh đang suy vong).

ĐVSKTT: "*Bính Thân, [Quang Hưng] năm thứ 19 [1596], (Minh Vạn Lịch năm thứ 24).*

..Bấy giờ bề tôi họ Mạc lăm quý kế, tố cáo với nhà Minh rằng: Quân nhà Lê chính là họ Trịnh tranh cường, dấy binh đánh giết bề tôi thần phục của thượng quốc cùng con cháu họ Mạc, thực không phải là quân trung hưng của con cháu nhà Lê. Vì thế, nhà Minh nhiều lần sai sứ qua cửa Trấn Nam Giao, mang điệp văn sang nước ta hẹn đến cửa quan hội khám xem có thực là con cháu nhà Lê hay không".

Qua những điều đã trình bày, chúng ta -hậu thế với quan niệm lấy dân tộc làm căn bản, nghĩ thế nào về những sự kiện nêu trên?

¹² Dù rằng sau khi con cháu nhà Mạc phải chạy lên Cao Bằng (1593), rồi chạy sang Quảng Tây (Long Châu), họ chỉ "mách" với nhà Minh về việc chúa Trịnh tiếm quyền, chứ không cầu cứu để nhà Minh mang quân vào Việt Nam (lúc này nhà Minh đang suy vong).

ĐVSKTT: "*Bính Thân, [Quang Hưng] năm thứ 19 [1596], (Minh Vạn Lịch năm thứ 24). ..Bấy giờ bề tôi họ Mạc lăm quý kế, tố cáo với nhà Minh rằng: Quân nhà Lê chính là họ Trịnh tranh cường, dấy binh đánh giết bề tôi thần phục của thượng quốc cùng con cháu họ Mạc, thực không phải là quân trung hưng của con cháu nhà Lê. Vì thế, nhà Minh nhiều lần sai sứ qua cửa Trấn Nam Giao, mang điệp văn sang nước ta hẹn đến cửa quan hội khám xem có thực là con cháu nhà Lê hay không".*

3- "Biển cố Mạc Đăng Dung" và vùng đất dâng/trả/nộp (?)

Trước khi có nhận xét về vấn đề này, chúng ta nên tìm hiểu một cách tổng quát về chủ quyền vùng đất dâng/nộp/trả (?) cho Trung Hoa qua những tài liệu đã tra cứu.

Từ khi Việt Nam tái lập nên độc lập sau một ngàn năm bị đô hộ, cương vực vùng này:

-Thời nhà Đinh, biên cương giáp giới tới núi Ô Lôi (phía đông vịnh Long Môn) thuộc châu Khâm theo hướng đông tây, phía nam là biển, phía bắc không được đề cập đến.

-Thời nhà Tiền Lê qua thời Lý đến thời nhà Trần, đã không có những biến động về biên giới vùng này theo sử liệu. **Biên cương vùng này không thay đổi từ khi nước Việt lấy lại nền độc lập cho đến thời Minh thuộc.**

-Thời Hậu Lê đã có những biến cố đáng kể về vùng biên giới tiếp giáp với châu Khâm: Năm 1427, 7 động thuộc ba đô Như Tích, Chiêm (Thiếp) Lãng và Thi (Thời) La do Hoàng Kim Quảng và Hoàng Thánh Hứa xin nội thuộc vào Việt Nam.

Việt Nam làm chủ vùng đất này và các động có tính cách tự trị theo như ĐNNTC viết: "*Họ Lê phong cho các chức kinh lược sứ, kinh lược đồng tri, và thêm sự mà vẫn nói đời giữ đất thuộc vào châu Vạn Ninh, ...*".

- Tình hình nhà Mạc lúc này lưỡng đầu thọ địch, phía nam thì bị hai họ Trịnh và Nguyễn đang tấn công¹⁴ để khôi phục lại ngai vàng cho nhà Lê, phía bắc thì bị quân Minh đe dọa. Mạc Đăng Dung chọn cách đầu hàng và trả đất để bảo vệ mình và dòng họ hay vì dân tộc?

Mạc Đăng Dung "trả" đất cho nhà Minh

Năm 1540 Mạc Đăng Dung đã trả nhà Minh 7 động [Thiếp (Chiêm) Lãng, Tư Lãm, Cỗ Sâm, Liễu Cát, Tư (Kim) Lặc, La Phù và Thi (Thời) La] mà Hoàng Kim Quang và Hoàng Thánh Hứa xin nội thuộc Việt Nam năm 1427. **Tuy nhiên so sánh lãnh thổ của Việt Nam tại vùng này từ thời nhà Đinh đến khi có hiệp định biên giới Pháp-Trung; thì vùng đất động Thi La đã bị mất.**

Theo như sách "*Phương Đình địa dư chí*" của cụ Nguyễn Văn Siêu; thì thời nhà Đinh lãnh thổ Việt Nam đến núi Ô Lôi, gồm cả vùng Phòng Thành cảng và phía đông là bán đảo có hai trấn Quang Pha và Xí Sa đến gần trấn Long Môn ngày nay (như đã vẽ lại trong bản đồ thời Tiền Lê, Lý, Trần); đây là vùng đất động Thi La, vùng này thuộc lãnh thổ Việt Nam cho đến cuối thời nhà Trần. Tuy nhiên sau thời Minh thuộc, vùng này lại xin nội thuộc và Việt Nam năm 1427, rồi Mạc Đăng Dung hoàn trả lại cho nhà Minh năm 1540. Có phải nhà Mạc đã "dâng/nộp" thêm vùng này cho nhà Minh hay vì sự hiểu biết "mập mờ" về chủ quyền lãnh thổ các đời trước; nên họ Mạc đã trả "du" vùng đất động Thi La, mà động này xin nội thuộc vào Việt Nam 113 năm trước? Sự việc này cần phải được tra cứu thêm!

4- Mạc Đăng Dung và "phiên toà" gần 5 thế kỷ

Sự kiện về Thái Tổ Mạc Đăng Dung dâng /trả /nộp (?) vùng đất 7 động cho Trung Quốc và ông đã bị một số các sử gia kết án là "kẻ phản quốc", điều này có đúng theo quan niệm người Việt ngày nay, hoặc hậu thế hay không? Người dân - những người làm chủ dải đất này - đã từng bị dồn vào thế "thấp cổ bé miệng" đã chưa có tiếng nói. Tuy nhiên tội "phản quốc", dâng đất biên cho ngoại bang sẽ bị con dân nước Việt đòi đòi nguyên rủa! Qua những sự kiện từ từ được đưa ra ánh sáng, với những tài liệu được truy cập dễ dàng thời nay - Internet, rồi những so sánh. Hãy để người dân Việt phán xử Thái tổ Mạc Đăng Dung - tiền nhân - là kẻ có tội hay không ("guilty or not guilty").

Theo như hệ thống tư pháp ngày nay tại các nước dân chủ . Một phiên tòa (theo như sự hiểu biết rất sơ sài của người viết) gồm có chánh án, bồi thẩm đoàn, công tố viên, luật sư biện hộ, nhân chứng và bị can. Ngày nay với sự thông tin và truyền thông rộng rãi chúng ta có thể (giả sử) dựng lên một phiên toà mà sự tham dự là người dân nước Việt, để đưa việc này ra ánh sáng sự thật:

¹⁴ĐVSKTT: "*Kỷ Hợi, [Nguyên Hoà] năm thứ 7 [1539] , (Mạc Đại Chính năm thứ 10; Minh Gia Tĩnh năm thứ 18). Vua phong đại tướng quân Trịnh Kiểm làm Dực [3a] quận công, (người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc 2393), Trịnh Công Năng làm Tuyên quận công, Lại Thế Vinh làm Hoà quận công. Bọn Hiệp quận công, Tường quận công, Từ quận công, Trần quận công, Tây quận công, Dương quận công, Thụy quận công, Nghi quận công đều được ban ấn coi quân, sai đem quân bản bộ tiến đánh các nơi để lo lấy lại Tây Kinh (nv: Lam Sơn), khi thế quân sĩ mạnh thêm. Sau tiến đánh huyện Lô Dương, quân Mạc phần nhiều bị thua, rồi đem quân về*".

Bị can là Thái tử Mạc Đăng Dung, công tố viên là các sử gia đã lên án ông về nhiều tội danh, đặc biệt là tội "phản quốc", "dâng đất cho ngoại bang". Luật sư biện hộ là các sử gia bào chữa cho ông trước công luận như cụ Nguyễn Văn Siêu, sử gia Phạm Văn Sơn, học giả Trần Khuê và tác giả đương thời là ông Trần Gia Phụng trong bài viết "*Những cuộc đổi họ lớn trong lịch sử*", v.v.... Nhân chứng là những người tra cứu các và nêu lên các tài liệu này. Bồi thẩm đoàn là các độc giả, những người đọc, biết về sự kiện, biết các bằng chứng để kết luận là Mạc Đăng Dung có tội với dân tộc hay không. Chánh án sẽ là hậu thế, bản án sẽ là những trang sử được ghi lại về sự việc Mạc Đăng Dung là kẻ có tội với dân tộc Việt hay không?. Người viết chỉ là một trong những người đi tìm và nêu lên những bằng chứng.

E - Tài liệu và sử liệu nguy tạo với chủ đích?

Tham khảo các tài liệu hay sử liệu của Trung Quốc để biết về vấn đề biên giới Việt - Trung là cả một vấn đề! Có phải Trung Quốc với âm mưu bành trướng đã có nhiều điều chứng tỏ là họ đã làm gần như bất cứ thủ đoạn nào để đạt mục đích cho âm mưu truyền kiếp này? Khi còn là các quận huyện của Trung Hoa trong thời Bắc thuộc, Trung Hoa coi Việt cổ như quận huyện của họ, những tài liệu viết trong thời điểm này, chúng ta có thể tạm tin tưởng với sự cảnh giác! Tuy nhiên; sau khi Việt Nam có độc lập thì những tài liệu tham khảo này cần phải được so sánh từ mâu thuẫn tới tương đồng để "may ra" có thể có những kết luận hợp lý cho sự tham khảo.

Trong việc phân định biên giới Việt - Trung cuối thế kỷ 19; do người Pháp và Trung Hoa quyết định, Việt Nam đã mất khá nhiều đất đai tại vùng biên giới giữa Quảng Ninh và Khâm châu. Đã có những âm mưu (từ lâu?) về việc thay đổi tài liệu để Trung Hoa dành phần thắng với mục đích có thêm đất của lãnh thổ Việt Nam? Chiến thuật "tầm ăn dâu"?

1- Trong bài viết "***Thử nhìn lại một số âm mưu của người Hán ...***"¹⁵ của tác giả Trương Nhân Tuấn, ông đã nêu lên vấn đề như sau:

"... âm mưu cổ điển của người Hoa, lặp đi lặp lại nhiều lần trong lịch sử, lấy tên một (hay những) địa danh thuộc Trung Quốc, đặt cho các vùng lãnh thổ của Việt Nam, sau đó nói là đất của họ và xua quân sang chiếm...."

...

*"...Trong suốt 12 năm phân định và cắm mốc biên giới, phía bên người Hoa luôn tìm cách để lấn đất của Việt Nam. Mưu mô thường thấy nhất là **hoán đổi tên các địa phương, sông, núi**. Âm mưu này đã lặp đi lặp lại rất nhiều lần..."*

Chi tiết về vấn đề núi Phên Mao để phân định biên giới trong cùng bài viết:

"Bản báo cáo của ông Chiniac de Labastide, chủ tịch uỷ ban phân giới (1890-1891) viết: "riêng về Phên-Mao Lãnh thì quan-trọng nhất cho việc xác-định đường biên-giới... hiện nay có thể xác-quyết một cách chắc-chắn rằng, không những núi này không có ở đây mà nó còn không hiện-hữu trong toàn vùng biên-giới mà Uỷ-Ban Phân-Giới đã thám-hiểm. Không có một trái núi nào có tên tương-tự."

¹⁵ Nguồn từ nhiều trang Web khác nhau, điển hình là: <http://www.thongluan.org/vn/modules.php?name=News&file=article&sid=2744>

Việc này cho thấy phía người Hoa đã đặt tên «Phân Mao» cho một ngọn núi vô danh ở thật xa về phía nam. Ông viết tiếp: “theo vài tác-giả (nv: Deveria ?), núi **Phân-Mao Lãnh** có thể ở cách **Khâm-Châu** khoảng 360 lí, tức 140 Km... khi tôi cho ông **Chủ-Tịch Ủy-Ban Phân-Giới Trung-Hoa**, mặc-dầu có nhiều nỗ-lực tìm kiếm, tôi vẫn không tìm ra trái núi mà dưới chân nó có trụ đồng để đánh dấu biên-giới của tướng **Mã-Viện** là **Phân-Mao Lãnh**. Núi này hoàn-toàn không ai biết. Ông này trước tiên im-lặng, và vài ngày sau, ông chỉ tôi ở trên bản-đồ, không phải ở phía **Đông-Nam** mà ở phía **Đông-Bắc** của **Bản-Hung**, phía nam **Pi-Lao**, một trái núi nhỏ và cho đó là **Phân-Mao-Lãnh**. Khi tôi la lớn về sự xác-nhận phi-lý này thì ông ta mới trả lời cho tôi, bằng một dáng-điệu trịnh-trọng, trái núi này không phải là **Đại Phân-Mao Lãnh**, nổi tiếng do trụ đồng của tướng **Mã-Viện**, mà chỉ là một **Tiểu Phân-Mao Lãnh**...

Khoảng-cách xa-xôi của trái núi được chỉ-định và cái miếu thờ **Phục-Ba** tướng quân - miếu này cách trái núi 3 cây số - cho ta thấy biết bao nhiêu họ đã lường-gạt chúng ta; **họ đặt tên, tùy theo sự cần-thiết của họ, trái núi này hay trái núi kia, một cái tên lịch-sử của một trái núi thuộc vùng khác và dựa vào đó để thiết-lập chủ-quyền của họ về đất đai.**”

...
Hậu quả việc này ra sao ? Ông **Chiniac de Labastide** viết trong bản báo cáo nói trên: «Nhờ vào sự kiên-trì (sic !), người Hoa đã thắng được các **Ủy-Viên Pháp**, đã dành được của **An-Nam một vùng đất nghèo, nhưng rộng lớn** mà họ chờ đợi để lấy ra từ đó những ưu-điểm quan-trọng. Giữa hai điểm này, trên một chiều dài khoảng 40 cây số, người ta đã bỏ biên-giới lịch-sử của **An-Nam** và **Trung-Hoa** để lấy một đường biên-giới khác, ở xa về phía nam, **một đường biên-giới hoàn-toàn qui-ước**. Việc này đã nhường cho **Trung-Hoa** 7 xã rười thuộc tổng **Bát-Tràng** của **An-Nam** và hai xã khác cũng của **An-Nam** thuộc tổng **Kiến-Duyên**”.

2- Bài viết "**PHÂN MAO LĨNH trong cuộc thương lượng PHÁP - THANH về vấn đề biên giới VIỆT - TRUNG**"¹⁶ của tác giả **Lưu Văn Lợi**¹⁷:

" ... Ngày 29 tháng 3 năm 1887, Ch. Dillon và Đặng Thừa Tu cùng các ủy viên khác đã ký biên bản về việc hoạch định biên giới từ Trúc Sơn đến Chi Mã trong đó có đoạn sau đây về núi **Phân Mao**: "...
Theo văn bản này, **Trung Quốc** đã lấy được núi **Phân Mao** và vùng chung quanh theo ý đồ của **Đặng Thừa Tu**, thế nghĩa là thế nào. **Điều đáng nói ở đây là bản Pháp văn mà phía Pháp đưa ra ký lại dịch từ một biên bản bằng Trung văn do đoàn đại biểu Trung Quốc cung cấp**. Chỉ biết rằng sau này đoàn đại biểu cầm mốc của **Pháp** đã làm một biên bản nhận xét biên bản ngày 29 tháng 3 năm 1887 nói trên, sau khi đã đo đạc và biên vẽ một bản đồ chính xác đoạn biên giới từ ngã ba sông **Ca Long** đến **Bắc Cương** ai và nhận xét toàn bộ biên bản ngày 29 tháng 3, sau đó kết luận:

...
- Đường biên giới theo điều ước do biên bản ngày 29 tháng 3 năm 1887 vạch ra **chỗ nào cũng tồi (défectueuse) và không chỗ nào chấp nhận được**.

- Ủy ban hoạch định biên giới của **Pháp** đã chấp nhận đường biên giới đó là **vì họ đã bị lừa gạt** bởi một bản đồ xuyên tạc rằng lãnh thổ **Việt Nam** ăn sâu vào **Trung Quốc**, trong khi đó ngược lại trên thực tế, lãnh thổ của **Thiên triều (céleste empire)** lại ăn sâu vào lãnh thổ **Việt Nam**.

... "

Ủy ban hoạch định biên giới (**UBHĐBG**) của **Pháp** đã biết mình bị lừa nhưng không biết mình bị lừa ở chỗ nào. Ông **Déveria** đã dịch sách **ĐTNTC** và in những tài liệu này trong quyển "**La Frontière Sino-Annamite – Description géographique et ethnographique**", xuất bản tại **Paris** năm

¹⁶ Nguồn: <http://dactrung.net/Phorum/tm.aspx?m=87114>

¹⁷ Cũng là tác giả sách "Ngoại giao Đại Việt"

1886. Theo như thiên ý của người viết, thì bản **ĐTNTC mà ông Devéria đọc và dịch đã bị thay đổi có chủ đích với một âm mưu dài hạn**. Phòng đoán là UBHĐBG Pháp đã dùng sách này để tham chiếu cho việc phân định đường biên giới; mà sách này đã tham khảo với những sự ngụy tạo của Trung Hoa như sau:

- Vị trí núi **Phân Mao** (Phân Mao lĩnh) đã bị thay đổi từ 3 dặm kế huyện đường châu Khâm thành 300 dặm về phía tây nam kế bên đường biên giới Việt - Trung ngày nay.

- Tên sông **Thiếp Lãng** (đường biên giới cũ) cũng đã bị gán cho một con sông cách huyện đường châu Khâm 240 dặm về phía tây nam, kế phía đông của sông Bắc Luân là đường biên giới Việt - Trung ngày nay (kế phía bắc thị xã Móng Cái).. Bản dịch ĐTNTC trong sách của ông Devéria: "*Dòng Thiếp Lãng Giang 貼朗江, cách Khâm Châu 240 dặm, chảy theo đường biên giới Việt Nam (ĐTNTC, sđd, q 348, tờ thứ 9). Sông này bắt nguồn từ những ngọn núi về phía tây bắc huyện Khâm Châu.*"

Đặt căn bản vào địa hình (từ Google Earth) và bản đồ; thì không có một dòng sông nào bắt nguồn từ phía tây bắc huyện Khâm Châu chảy đến phía tây nam là đường biên giới ngày nay! Nếu **ngụy tạo** là sông Thiếp Lãng bắt nguồn từ phía "**tây bắc**" thành phía "**tây nam**" thì có phải đúng với hình chụp của vệ tinh (lúc này chưa có!) hơn không? Rõ "khôn" mà không "ngoan"!

Những điều nêu trên đã **chứng tỏ là người Trung Hoa đã thay đổi tài liệu, để thực hiện âm mưu chiếm đất lâu đời của họ**. Ông Devéria đã bị lừa và phái đoàn phân định biên giới người Pháp cũng đã bị lừa, nước Việt Nam và dân tộc Việt nhận lãnh hậu quả!

F- Kết luận

Động Cổ Sâm, núi Phân Mao; như đã được nêu lên trong lời tựa, đây là hai địa danh liên quan đến biên cương nước Việt, vấn đề này đã gây nên nhiều câu hỏi có liên quan đến "đường" hay "vùng" biên giới tại phía cực đông nước Việt giáp giới với Trung Quốc. Vùng đất đã gây nên nhiều tranh chấp trong việc phân định biên giới giữa Việt Nam và Trung Hoa thời Pháp thuộc. Sau hiệp định biên giới Pháp - Trung năm 1887, Việt Nam đã mất một vùng lãnh thổ cho Trung Quốc, mà nơi đó có người Việt cư trú, họ đã trở thành kẻ thiểu số trong vùng đất đã từng là tổ quốc của họ.

Đã có nhiều tìm hiểu, nhiều bài viết tra cứu về vùng đất này để biết đâu là phần đất thuộc ta, thuộc Tàu qua thời gian. Người viết cũng chỉ là một trong những người này và viết nên những điều mình tìm thấy; hầu mong có thể làm sáng tỏ được vấn đề. Qua những trình bày dù có thể thiếu sót, người viết cũng cố nêu lên những điều đã tìm kiếm được để góp phần làm sáng tỏ sự thật của lịch sử.

Một điều bất hạnh cho dân Việt là Việt Nam ở kế bên Trung Quốc - Hán - một dân tộc với tư tưởng Hán hoá (sinicization) từ khi họ có lịch sử. Họ luôn muốn bành trướng và muốn những dân tộc chung quanh họ phải trở thành người Hán như họ. Họ đã phần nào làm được điều này! Mông Cổ với đoàn quân gần như khó có quốc gia nào có thể ngăn cản họ ở thời trung cổ, đã chinh phục tới Âu châu, chiếm đóng Trung Hoa, nhưng chính những kẻ chiếm đóng này đã bị

Hán hoá. Mãn Thanh đã chiếm Trung Hoa, thời nhà Thanh, họ đã bị Hán hóa. Thời điểm xa hơn nữa về quá khứ, Bách Việt, cũng đã bị Hán hóa - ngoại trừ Lạc Việt, tiền thân của người Việt ngày nay - không bị Hán hóa, hay không thể Hán hóa, dù đã bao lần bị xâm lăng, chiếm đóng, cai trị, bắc thuộc, v.v... Tộc Việt vẫn là người Việt với nhiều sắc tộc Việt khác. Người Hoa hay Hán đã sang nước Việt để cai trị trong cả ngàn năm bắc thuộc, thay vì người Việt trở thành người Hán, họ lại trở thành người Việt để chống lại tộc Hán. Điển hình là Lý Bí (Nam Đế), Hồ Quý Ly, cũng như nhà Trần mà tổ tiên từ Phúc Kiến. Hồ Nguyên Trừng - người chế súng cho nhà Minh- con trưởng của Hồ Quý Ly bị bắt về Tàu, dù đã làm từng làm đến chức thượng thư bộ Công của nhà Minh, ông đã viết sách "Nam Ông mộng lục" để nhớ về nước Nam.

Qua những thăng trầm của lịch sử mà người Việt đã phải gánh chịu từ đàn anh phương bắc, nếu muốn tồn tại cũng như chúng ta đã và đang tồn tại, sự cảnh giác với người đàn anh tham lam luôn phải được duy trì.

Biển, đảo, đất của Việt Nam đã và đang bị xâm chiếm cũng như bị đe dọa vì âm mưu bành trướng và Hán hóa này! Chúng ta cảnh giác nhưng chúng ta phải làm gì để tồn tại!? Câu hỏi này dành cho các bạn trẻ cũng như hậu duệ của các bạn!

Tham Khảo

1-Sách:

- “*Đại Việt Sử Lược*”, soạn giả: Khuyết danh, dịch giả: Nguyễn Gia Tường, 1972. Ấn bản điện tử: Công Đệ, Lê Bắc.
- “*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*”, bản in Nội các quan bản, mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697). Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1998.
- “*Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*”, Quốc Sử Quán Triều Nguyễn soạn thảo (1856- 1881). Viện Sử Học dịch (1957-1960). Nhà xuất bản Giáo Dục (Hà Nội) ấn hành 1998.
- “*An Nam Chí Lược*”, Lê Tắc, dịch giả: Ủy ban dịch sử liệu Việt Nam, nhà xuất bản: Viện Đại Học Huế, ấn bản điện tử: Công Đệ, Doãn Vượng, Lê Bắc.
- “*Vân Đài Loại Ngữ*” của Quế Đường Lê Quý Đôn do Phạm Vũ và Lê Hiền dịch và chú giải, xuất bản bởi nhà sách Tự Lực
- “*Phương Đình Địa Dư chí*” của Nguyễn Văn Siêu, nhà xuất bản Văn Hoá Thông Tin
- “*Đại Nam Nhất Thống Chí*” của Quốc Sử Quán triều Nguyễn, nhà xuất bản Thuận Hoá
- “*Việt Nam Sử Lược*”, Trần Trọng Kim- Nhà xuất bản Văn Hoá Thông Tin-1999.

- “*Việt Sử Toàn thư*”, Phạm Văn Sơn- Nhà xuất bản Đại Nam
- “*Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*” của Phan Huy Chú (1809 - 1819) - Địa dư chí
 Nguồn: <http://lichsu.vn.info/forum/showthread.php?t=6744>
- “*Việt Sử Tiêu Án*”, Ngô Thời Sĩ, dịch giả: Hội Việt nam nghiên cứu liên lạc văn hóa Á Châu, nhà xuất bản Văn Sử. Ấn bản điện tử : Công Đệ, Doãn Vượng, Lê Bắc.
- “*Đại Việt Sử Cương*” của Trần Gia Phụng, Nhà xuất bản Non Nước, Toronto 2004
- “*Sử Trung Quốc*” của Nguyễn Hiến Lê, nguồn từ Internet:
<http://vnthuquan.net/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237n2n1n4nqn31n343tq83a3q3m3237nv>
- “*Lịch Sử Trung Quốc 5000 năm*” của Lâm Hán Đạt và Tào Dự Chương, dịch giả Trần Ngọc Thuận, nhà xuất bản Trẻ.
- “*Hoài Nam Tử*” của Lưu An, nguồn từ Internet: http://www.geocities.com/fengshui_clasicos/HuaiNanZi.html
- “*Sử Ký*” của Tư Mã Thiên (Hán văn), nguồn từ Internet: <http://www.chinapage.com/big5/big5-history.html>
- “*Sử Ký*” của Tư Mã Thiên bản dịch của dịch giả Nhữ Thành
- “*Sử Ký*” của Tư Mã Thiên bản dịch của dịch giả Phan Ngọc
- “*Hán Thư*” của Ban Cố, nguồn từ Internet
<http://www.chinapage.com/big5/big5-history.html>
- “*Hậu Hán Thư*” của Phạm Việp, nguồn từ Internet
<http://www.chinapage.com/big5/big5-history.html>
- “*Tấn Thư*”, nguồn từ Internet <http://www.chinapage.com/big5/big5-history.html>
- “*Thủy Kinh chú*” của Lịch Đạo Nguyên, nguồn từ Internet: <http://www.workgroup.cn/dir.aspx?45>
- “*Thủy Kinh Chú Sớ*” của Dương Thủ Kính và Hùng Hội Trinh, dịch giả Nguyễn Bá Mão, nhà xuất bản Thuận Hoá, 2005
- “*Tấn thư, Chí, Địa lý*”, dịch giả Tích Dã trong: <http://www.viethoc.org/phorum/read.php?10,6822>
- “*Minh Thực lục*”
- “*Độc sử phương dư kỷ yếu*”, Cố Tổ Vũ (1631- 1692)

- "*Popular movements and secret societies in China, 1840-1950*", của Jean Chesneaux, Lucien Bianco, Stanford University Press, 1972.

- "*La Frontière Sino-Annamite – Description géographique et ethnographique*", in năm 1886 tại Paris. Nguồn: <http://zh.wikisource.org/zh-hans/%E8%AE%80%E5%8F%B2%E6%96%B9%E8%BC%BF%E7%B4%80%E8%A6%81%E5%8D%B7%E4%B8%80%E7%99%BE%E5%9B%9B>

- "*The Birth of Vietnam*" của Keith Weller Taylor, University of California Press

- "*Tigers, Rice, Silk & Silt*" của Robert B. Marks, Cambridge University Press

- "*The Zhuang: A Longitudinal Study of Their History and Their Culture*" by Jeffrey Barlow, <http://mcel.pacificu.edu/as/resources/zhuang/index.html>

2- Bài viết:

- "*Khâm Châu tây bộ đích địa phương sử ...*", nguồn: <http://qkzz.net/article/85850810-6187-48e3-ba65-d099ad1a999b.htm>

- Các bài viết của Dr. Rafe de Crespigny, Faculty of Asian Studies, Australian National University trong http://www.anu.edu.au/asianstudies/decrepigny/south_china.html

- Các bài viết trong <http://www.chinaknowledge.de/History/Myth/prehistory-map.html>

- "*Lịch Sử tranh chấp chủ quyền “L’ENCLAVE PAK-LUNG” cùng các đảo Vạn Vĩ, Sơn Tâm và Vu Đầu trong vịnh Vạn Xuân*” tác giả TRƯƠNG NHÂN TUẤN
Nguồn: <http://www.talawas.org/?p=18427>

- "*Lưu Vĩnh Phúc bình truyện*", Lý Can Phân
Nguồn: <http://www.historychina.net/cns/QSYJ/ZTYJ/GATZT/05/09/2005/6635.html>

- "*Lưu Vĩnh Phúc hoà tha đích Hắc Kỳ quân*”
Nguồn: http://www.djbkw.com/paper/2009/0206/article_2007.html

- "*Hắc Hồ tướng quân Lưu Vĩnh Phúc*”
Nguồn: <http://www.lantianyu.net/pdf52/ts067037.htm>

- "*Khâm Liêm phương chí*”
Nguồn: <http://www.historykingdom.com/read.php?tid=41585>

- "*Quảng Tây biên giới thoại đồng trụ*”
Nguồn: www.bhlib.com/bhwenshi/13-06.doc

- "*Thử nhìn lại một số âm mưu của người Hán ...*" của tác giả Trương Nhân Tuấn
<http://www.thongluan.org/vn/modules.php?name=News&file=article&sid=2744>

- "PHÂN MAO LĨNH trong cuộc thương lượng PHÁP - THANH về vấn đề biên giới VIỆT - TRUNG" của tác giả Lưu Văn Lợi
Nguồn: <http://dastrung.net/Phorum/tm.aspx?m=87114>

3- Bản đồ:

- "*The Atlas of China Knowledge*", Xi'aqn Cartographic Publising House, SinoMaps press in 2002

- "*Historical Atlas of South-East Asia*" của Jan M. Pluvier, nhà xuất bản E.J.Brill, Netherland 1995

- Bản đồ từ các bài viết của Dr. Rafe de Crespigny, Faculty of Asian Studies, Australian National

- "*CARTE DU TONG-KING*" của Romanet du Caillaud, 1879

Nguồn: http://vi.wikipedia.org/wiki/Tập_tin:Carte_du_Tong-king_1879.JPG

- Bản đồ "Đông Hưng thị"

Nguồn: <http://www.kemap.net/map/UploadPic/2008-3/200831011214084434.jpg>

- Bản đồ "*l'Enclave (Cap-Pak-lung)*"

Nguồn (với độ phân giải cao):

<http://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/9/92/Paklung413.jpg>

Trần Việt Bắc
11/2010

